**BÀI 8: TRẢI NGHIỆM ĐỂ TRƯỞNG THÀNH (13 tiết)**

***Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.***

**(Tục ngữ)**

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỌC** | Bản đồ dẫn đường, Đa-ni-en Gốt-li-ép *(Daniel Gottlieb)*  Hãy cầm lấy và đọc *(Huỳnh Như Phương)*  Nói với con *(Y Phương)* |
| **VIẾT** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối) |
| **NÓI VÀ NGHE** | Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống |

**A. MỤC TIÊU CHUNG CỦA BÀI 8**

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn văn bản.

- Hiểu được các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong văn bản; nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của thuật ngữ.

- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

- Có trách nhiệm với bản thân và với cộng đồng.

**TIẾT 99: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

***a. Năng lực chuyên biệt***

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản (VB) và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm VB.

- Nhận biết được đặc điểm của VB nghị luận về một vấn để đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn VB.

***b. Năng lực chung***

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.

- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

**2. Về phẩm chất**

- Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

- Có trách nhiệm với bản thân trong việc lựa chọn đường đi cho cuộc đời minh.

- Ham tìm hiểu văn học, tìm hiểu đời sống để nâng cao hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**3. Phương pháp dạy học**: Hỏi đáp, dạy học hợp tác, trò chơi

**Kĩ thuật dạy học**: lớp học đảo ngược, hỏi đáp, sơ đồ tư duy, bể cá, tia chớp (nghĩ một phút), think – pair – share...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:***Tạo nhịp cầu nối trải nghiệm, kiến thức đã có của HS với bài mời, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

***b. Phương pháp***: Trò chơi (Hái lá), hỏi đáp.

***c. Kĩ thuật dạy học****:* Tia chớp (suy nghĩ nhanh),

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV**: Đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:  *(?) Em hiểu thế nào là trải nghiệm?*  *(?) Trải nghiệm của em thường gắn với những sự kiện diễn ra ở môi trường nào?*  **HS**: Tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.  **GV**: Dẫn dắt vào bài học mới. | - HS nêu được cách hiểu của mình về trải nghiệm.  - HS nêu được những trải nghiệm của bản thân gắn liền với những môi trường thân quen hoặc mới lạ. |

**2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***Hoạt động 2.1*: Tìm hiểu chủ đề và giới thiệu bài học**

***a. Mục tiêu****:* Nắm được nội dung của bài học.

***b. Phương pháp****:* Đàm thoại gợi mở

***c. Kĩ thuật dạy học****:* Động não

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **(1) Tìm hiểu chủ đề và giới thiệu bài học** | |
| **GV**: Yêu cầu HS đọc phần ***Giới thiệu bài học*** và nêu những nội dung của phần đó.  **HS**: - Lắng nghe và tìm câu trả lời cho câu hỏi liên quan đến phần Giới thiệu bài học.  - Trình bày sản phẩm thảo luận  **GV**: - Gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - Nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  - Ghi bảng. | HS xác định được: Phần ***Giới thiệu bài học*** có 2 nội dung:  **- Chủ đề**: Trải nghiệm để trưởng thành – chủ đề bài học hàm chứa hai vấn đề *trải nghiệm* và *trưởng thành*:Trong cuộc đời con người không ai là không có những trải nghiệm. Trải nghiệm có thể giúp con người trở nên khôn ngoan, chín chắn, dày dạn, cứng cáp hơn. Nghĩa là con người có khả năng trưởng thành lên qua những trải nghiệm.  - **Thể loại đọc chính:** nghị luận |

***Hoạt động 2.2:* Khám phá Tri thức ngữ văn**

***a. Mục tiêu:*** Nắm được các vấn đề trong văn bản nghị luận; mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và các biện pháp liên kết trong văn bản nghị luận.

***b. Phương pháp dạy học:*** Hợp tác, thuyết trình

***c. Kĩ thuật dạy học:*** Think-pair-share**,** bể cá, sơ đồ tư duy

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **(2) Khám phá tri thức Ngữ văn** | |
| **GV**: yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi: Vận dụng tri thức ngữ văn đã tìm hiểu khi chuẩn bị bài và nhớ lại nội dung đã học, chẳng hạn của trong bài 8 của chương trình ngữ văn 6 các em đã được làm quen với Văn nghị luận, hãy nhớ lại để trả lời các câu hỏi:  *(?) Nêu định nghĩa văn nghị luận*  *(?) Nêu đặc điểm của văn nghị luận (VB nghị luận viết (nói nhằm mục đích gì?Có yếu tố cơ bản nào trong văn nghị luận? Những yếu tố ấy có vai trò gì?*  **HS:**  - Nêu định nghĩa của văn nghị luận  - Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện các đặc điểm của văn nghị luận trong hộp Tri thức ngữ văn.  - Dựa trên sơ đồ tư duy của nhóm, mỗi HS trình bày một nội dung trên sơ đồ.  **GV**: - Gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - Nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  - Ghi bảng. | HS vẽ và trình bày được theo sơ đồ tư duy những nội dung sau:  ***1. Khái niệm:***  - Văn bản nghị luận là loại văn bản chú yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề.  - Để văn bản thực sự có sức thuyết phục, người viết (người nói) cần sử dụng lí lẽ và bằng chứng.  - Lí lẽ là những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của minh.  - Bằng chứng là những ví dụ được lấy từ thực té đới sống hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ.  ***2. Mối quan hệ giữa lí lẽ và bằng chứng:***  - Lập luận trong bài viết phụ thuộc vào cách sắp xếp lí lẽ và bằng chứng.  - Ý kiến cần mới mẻ, sâu sắc toàn diện, có thể độc đáo nhưng không thể đi ngược lại chân lí, lẽ phải.  - Mỗi ý kiến cần một số lí lẽ đi kèm để bảo đảm sự tường minh. Lí lẽ được xây dựng dựa trên những câu hỏi.  - Bằng chứng là cơ sở để các lí lẽ đưa ra có tính thuyết phục, đáng tin cậy. Yêu cầu của bằng chứng là phải xác thực, toàn diện, tiêu biểu và độc đáo.  => Ý kiến – lí lẽ - bằng chứng chặt chẽ, văn bản trở nên rành mạch, chặt chẽ.  \* Sản phẩm: ***Sơ đồ tư duy.*** |

**3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP**

***a. Mục tiêu:*** Củng cố, vận dụng kiến thức đã học

***b. Phương pháp dạy học:*** Hợp tác, thuyết trình

***c. Kĩ thuật dạy học:*** Động não

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV**: yêu cầu HS lựa chọn 1 văn bản nghị luận đã học hoặc đã đọc và chỉ ra vấn đề được bàn luận tronh văn bản; chỉ ra mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận. Có thể gợi ý:  *(?) Văn bản đó nêu ý kiến/bàn luận về vấn đề gì?*  *(? Xác định câu văn chứa luận điểm?*  *(?) Tìm các lí lẽ, dẫn chứng mà tác giả đưa ra để thuyết phục người đọc?*  **HS**: - Nêu được vấn đề nghị luận, xác định và chỉ ra được mối quan hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận  - Trao đổi với bạn  - Chia sẻ trước lớp  **GV**: - Gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - Nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  - Ghi bảng. | HS vận dụng được kiến thức của văn bản nghị luận để thực hành phân tích một văn bản cụ thể. |

**Nhắc việc:**

- Đọc, ghi nhớ kiến thức bài học.

- Đọc Văn bản 1 ***”Bản đồ dẫn đường”*** và chuẩn bị trả lời những câu hỏi trong phần Sau khi đọc/ Sgk – Tg 56 + 57 + 58

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**TIẾT 99 + 100: Đọc văn bản 1: BẢN ĐỒ DẪN ĐƯỜNG**

*- Đa-ni-en Gốt-li-ép -*

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Năng lực**

***a. Năng lực chuyên biệt***

- *Đọc hiểu hình thức*: HS nắm được những đặc điểm về hình thức của văn bản nghị luận thể hiện qua văn bản Bản đồ dẫn đường như mục đích, hệ thống lí lẽ, dẫn chứng. Không chỉ nhận biết từng yếu tố riêng lẻ, mà quan trọng hơn, phải thấy mối quan hệ giữa chúng.

- *Đọc hiểu nội dung*: HS nắm được thông điệp mà nhà văn truyền tải: *Trong cuộc sống, mỗi người tự lựa chọn con đường của mình nhằm đạt được mục đích đã xác định.*

- *Liên hệ, so sánh, kết nối*: kết nối được với một số văn bản có cùng nội dung chủ đề, vận dụng vào cuộc sống.

- *Đọc mở rộng*: tìm đọc thêm 1-2 văn bản mới cùng chủ đề.

***b. Năng lực chung***

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự chủ bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**2. Phẩm chất**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Có mục tiêu sống đúng đắn, bản lĩnh, trân trọng cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG**

***a. Mục tiêu:***

- Kết nối tri thức và trải nghiệm của HS với bài mới về chủ đề và thể loại.

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học, kết nối trải nghiệm, kiến thức đã có với bài học để HS không thấy bỡ ngỡ.

***b. Phương tiện và phương pháp dạy học:***

- Máy tính, máy chiếu

- Đàm thoại gợi mở, trò chơi (hái hoa dân chủ)

***c. Kĩ thuật dạy học:*** Tia chớp

***d. Tổ chức dạy học:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **(2) Khám phá tri thức Ngữ văn** | |
| **GV** nêu nhiệm vụ: Quan sát bản đồ vàvai trò của nó đối với du khách lẩn đầu tiên đến một nơi xa lạ (thành phố).    *(?)* Vì *sao khách du lịch thường chuẩn bị một tấm bản đồ trước khi đến một miền đất lạ?*  *(?) Đến với tương lai, mỗi người phải tự tìm cho mình một “con đường' hay đã có “con đường" do ai đó vạch sẵn?*  **HS**: - Tiếp nhận nhiệm vụ, kết nối với thực tế.  - Ghi chép ngắn gọn các nội dung theo yêu cầu.  - Có thể nhắc lại trải nghiệm mới nhất mà các em vừa trải qua.  *=> Khi lần đầu tiên có mặt ở một miền* *đất lạ, tấm bản đổ có tác dụng chỉ đường, giúp ta đến được nơi cần đến.*  *=> Liên hệ thêm: Hiện nay, nhờ ứng dụng công nghệ, chúng ta có thể tìm đường đi trên Google map - một ững dụng tìm địa chỉ trên điện thoại thông minh.*  *=> Con đường được nói đến ở đầy không còn mang nghĩa gốc, mà là nghĩa bóng, nghĩa chuyển.*  **GV**: Dẫn dắt vào bài học mới:Trong hành trình trưởng thành, mỗi con người đều cần phải thiết kế, đắp xây một “tấm bản đồ” đường đời riêng cho mình. “Tấm bản đồ” này được tạo dựng nên bởi chính cách nhìn của chúng ta đối với cuộc sống, với mọi người và với chính bản thân mình. “Tấm bản đồ” thiêng liêng này sẽ quyết định sự thành bại của chúng ta trong cuộc sống. Trong tiết học ngày hôm nay, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu cách thức để tạo nên một *“Bản đồ dẫn đường”* cho riêng mình nhé! | HS trả lời được những câu hỏi tuỳ theo hiểu biết và trải nghiệm của bản thân. |

**2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Nhiệm vụ 2.1. Tìm hiểu chung**

***a. Mục tiêu:***Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm.

***b. Phương pháp dạy học:*** Trò chơi Ô chữ bí ẩn

***c. Kĩ thuật:*** Tia chớp (suy nghĩ nhanh)

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **(2.1) Tìm hiểu chung** | |
| **GV**:Hướng dẫn cho HS chơi trò chơi chọn ô chữ chứa đựng những thông tin đúng về tác giả Đa-ni-en Gốt-li-ép và văn bản “Bản đồ dẫn đường”  ***-*** *Yêu cầu**HS thi chơi trò chơi, xem ai chọn ô chữ đúng nhanh hơn.*  *- Nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn*.  **HS**: Lắng nghe, suy nghĩ, thực hiện yêu cầu  **GV**: - Nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  - Ghi bảng. | HS nêu được các thông tin về tác giả Đa-ni-en Gốt-li-ép và văn bản “Bản đồ dẫn đường”  **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Tác giả:***  - Đa - ni - en Gốt - li - ép sinh năm 1946.  - Nhà tâm lí học thực hành người Mĩ, bác sĩ điều trị tâm lí đồng thời là chuyên gia sức khỏe tâm thần.  - TP tiêu biểu: Tiếng nói của xung đột (2001), Những bức thư gửi cháu Sam (2008), Học từ trái tim (2008)  **2. Tác phẩm.**  - Xuất xứ: Trích Bản đồ dẫn đường trích từ cuốn sách “Những bức thư gửi cháu Sam”.    - HCST: Khi cháu ngoại chào đời, Daniel Gottlieb bắt đầu viết hàng loạt lá thư xúc động mà ông hy vọng sau này Sam sẽ đọc. Thư của ông bao gồm tất cả các chủ đề quan trọng như: việc đối xử với cha mẹ, với những kẻ bắt nạt, với tình yêu và với cái chết—và động lực thúc đẩy ông viết những lá thư này chính là nỗi sợ rằng một mai mất đi, ông sẽ không còn cơ hội chứng kiến cháu Sam trưởng thành. |

**Nhiệm vụ 2.2: Đọc**

***a. Mục tiêu:*** HS đọc diễn cảm văn bản, theo dõi những chỉ dẫn phần trong đọc ở các thẻ, giải nghĩa được từ khó.

***b. Phương pháp:*** Dạy học theo mẫu

***c. Kĩ thuật dạy học:*** Đọc diễn cảm

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **(2.2) Đọc** | |
| **GV**: - Hướng dẫn HS chú ý những thẻ chỉ dẫn trong văn bản khi đọc.  - Đọc mẫu thành tiếng cho HS đoạn đầu, yêu cầu một số HS đọc từng đoạn theo mẫu, giải nghĩa các từ như *dự phòng, tĩnh tâm.*  **HS**: Đọc theo mẫu, chú ý đọc theo chỉ dẫn của các thẻ, giải nghĩa từ khó. | HS biết đọc diễn cảm theo cô, biết chú ý đọc theo thẻ chỉ dẫn, biết giải nghĩa từ khó.  **3. Đọc. Giải nghĩa từ khó:** |

**Hoạt động 2.3. Khám phá văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Nêu được những sự kiện chính trong truyện, đề tài, ngôi kể, tính cách nhân vật Mon và Mên qua hành động, lời nói, suy nghĩ, cảm xúc; các chi tiết đặc sắc

***b. Phương pháp:*** Hợp tác (làm việc nhóm), đàm thoại gợi mở, hỏi đáp…

***c. Kĩ thuật dạy học:*** Sơ đồ tư duy, think – pair – share, mảnh ghép, trình bày 1 phút

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **(2.3) Khám phá văn bản** | |
|  | **II. Khám phá văn bản** |
| **GV**: Yêu cầu HS đọc VBtrong SGK.  *(?) Vấn đề được bàn trong Bản đồ dẫn đường là gì?*  *(?)* [*Nêu tác dụng của cách mở đầu vă*](https://blogtailieu.com/)*n bản bằng việc kể lại câu chuyện cố tính chất ngụ ngôn.*  *(?) Mục đích kể chuyện của người viết?*  *Hành động tìm chìa khóa của người đàn ông kì khôi như thế nào?*  *Sự kì khôi thể hiện như thế nào trong lập luận của ông ta?*  *(?) Mối liên hệ giữa câu chuyện và vấn đề đưa ra để bàn bạc là ở đâu?*  **HS**: - Trao đổi theo cặp **Phiếu học tập 01,02** đã chuẩn bị trước tại nhà.  - thảo luận cặp đôi nội dung câu hỏi  - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **-** HS trình bày cá nhân.  - Các HS khác nhận xét.  **GV**: Nhận xét và chuẩn kiến thức. | **1. Giới thiệu vấn đề**  \* Bàn luận về vấn đề trong cuộc sống, mỗi người lựa chọn con đường của mình nhằm đạt mục đích đã xác định.  **-** Dẫn dắt vấn đề bằng câu chuyện ngụ ngôn  => Cách giới thiệu vấn đề thú vị gây được ấn tượng với người đọc.  Nếu cái “bản đồ” (tức là quan niệm, cách thức hành động mà người ta vạch ra trong đầu) không phù hợp với thực tế đời sống thì sẽ thất bại. |
| **GV**: Yêu cầu HS đọc VBtrong SGK.  **HS:** Trao đổi theo cặp **Phiếu học tập 03** đã chuẩn bị trước tại nhà.  *(?) Tìm và ghi lại các câu văn nêu ý kiến chính trong văn bản?*  *(?) Nhận xét gì về cách sử dụng lí lẽ và* bằng *chứng?*  *(?) “Cháu biết không, tấm bản đó của ông lúc ấy thật sự bế tắc -* “ông" đã tâm sự với “cháu" như vậy.  *(?) Theo em, vì sao “ông" bế tắc trong việc tìm kiếm tấm bản đổ của* [*riêng mình? Kinh nghiệm ấy của “ông"*](https://blogtailieu.com/) *có thể giúp “cháu" rút ra được bài học gì?*  **HS**: - Lắng nghe, thảo luận cặp đôi nội dung câu hỏi  - Đại diện trình bày, nhận xét, bổ sung  **GV**: Nhận xét và chuẩn kiến thức. | **2. Giải quyết vấn đề: Các ý kiến:**  **- Tấm bản đồ là cách nhìn về cuộc đời, con người:**  **+ Lí lẽ:**  . Cách nhìn nhận cuộc đời và con người tất yếu sẽ hình thành ở mỗi chúng ta, được truyền từ bố mẹ, được điều chỉnh theo hoàn cảnh sống, theo tôn giáo hay kinh nghiệm bản thân.  .Nếu có hai cách nhìn cuộc đời và con người không giống nhau.  **+ Bằng chứng:** Câu chuyện về sự khác nhau trong cách nhìn đời của mẹ “ông” và bản thân “ông” dẫn đến hai quan điểm sống khác nhau.  **-** **Tấm bản đồ là cách nhìn nhận về bản thân.**  **+ Lí lẽ:**  **.** Đoạn văn đặt ra hàng loạt câu hỏi để triển khai ý “ nhìn nhận về bản thân”: *Tôi có phải là loại người đáng yêu?Tôi có giàu có, có thông minh? Tôi có quá yếu đuối và dễ dàng bị người khác làm cho tổn thương? Khi gặp khó khan tôi sẽ ngã gục hay chiến đấu một cách ngoan cường?*  **.** *Người viết lí giải:* Từng câu trả lời cho những câu hỏi trên sẽ là từng nét vẽ tạo nên hình dáng tấm bản đồ mà chúng ta mang theo trong tâm trí mình.  **+ Bằng chứng:** Câu chuyện về chính cuộc đời ông. Sau vụ tai nạn, ông có thay đổi đáng kể từ đó hiểu mình là ai, ý nghĩa cuộc sống là gì?  *=> Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu thuyết phục.*  **\* Bài học:**  - Mình có thể nhận được từ người thân những tình cảm cao quí, sự quan tâm, nhưng tấm bản đồ của riêng mình thì không nên lệ thuộc.  - Sự tự nhận thức về cuộc đời, quan điểm, tình cảm của mình đối với người khác và đối với bản thân – đó mới là yếu tố quyết định. |
|  | **3. Kết thúc vấn đề.** |
| **GV:** Yêu cầu HS đọc VBtrong SGK.  **HS**: - Trao đổi các nhân.  - Thảo luận nội dung câu hỏi, các nhân lên trình bày  *(?) Trong lời khuyên“ông“ muốn“ cháu“ phải làm những điều gì?*  *(?) Những việc làm đó có ý nghĩa như thế nào?*  *(?) Chúng ta có cần phải thực hiện những điều“ông“ muốn Sam làm không?Vì sao?*  *(?) Nhận xét gì về phần kết thúc vấn đề?*  *(?)Qua văn bản này, em học được điều gì về cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, nhất là dạng bài trình bày ý kiến phản đối?*  **HS**:- Lên trình bày.  - Các HS khác nhận xét.  **GV** nhận xét và chuẩn kiến thức. | Trong lời khuyên của “ông muốn cháu’’làm hai điều:  - Thứ nhất: phải kiếm tìm bản đồ cho chính mình.  - Thứ hai: tấm bản đồ đó “cháu’’ phải tự vẽ ra bằng chính kinh nghiệm của mình.  => Việc làm của cháu sẽ giúp cháu biết tự chủ, tự chịu trách nhiệm về chính cuộc đời mình.  *=> Kết thúc vấn đề ngắn gọn, súc tích.* |

**Nhiệm vụ 2.4: Tổng kết**

***a. Mục tiêu:*** HS tự rút ra những nhận xét khái quát về hình thức và nội dung của văn bản.

***b. Phương pháp:*** hợp tác

***c. Kĩ thuật:*** Sơ đồ tư duy

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV**: Đặt câu hỏi: *Qua văn bản, hãy rút ra đặc điểm nội dung và nghệ thuật văn bản. Điền vào sơ đồ tư duy.*  **HS -** Tiếp nhận nhiệm vụ.  *- Thảo luận và trả lời từng câu hỏi*  *- Trình bày sản phẩm thảo luận*  **GV***:*  - Gọi HS nhận xét, bổ sung.  - Nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  - Ghi lên bảng | **III. Tổng kết**  ***1. Nghệ thuật***  - Mở đầu bằng câu chuyện mang tính ngụ ngôn nhằm dẫn dắt người đọc nhẹ nhàng vào vấn đề chính.  - Lời văn đơn giản, ngắn gọn, nhưng mang tính uyên thâm  ***2. Nội dung – ý nghĩa***  Bức thư giúp ta biết cách nhận ra sự tri ân và ý nghĩa của cuộc đời trong bất kỳ hoàn cảnh nào, khuyến khích chúng ta tìm tòi, yêu thích và làm sống cái tôi tự trong sâu thẳm lòng mình.  ***3.* Một số yếu tố đặc trưng của văn bản nghị luận:**  - Ý kiến  - Hệ thống lí lẽ, dẫn chứng |

**3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

***b. Phương pháp dạy học:*** Viết theo tiến trình

***c. Kĩ thuật dạy học:*** Viết đoạn

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV yêu cầu:** Trên “con đường" đi tới tưong lai của bản thân, “tấm bản đồ’ có vai trò như thế nào? Hãy trả lời câu hỏi trên đây bằng một đoạn văn (khoảng 5-7 câu).  **=> Gợi ý:** Đoạn văn cần đáp ứng những yêu cầu sau:  ***\* Về nội dung:***  - Làm rõ được trên hành trình đến với tương lai, mỗi người cần có riêng cho mình một “Tấm bản đồ”.  - “Tấm bản đồ” giúp con người chủ động, tự tin vào hướng mình lựa chọn: nó có thể giúp con người vượt qua những khó khan thử thách trên từng bước đường đời….  ***\*Về hình thức:***  - Số câu cần đúng với quy định, đoạn văn không ngắn quá hoặc dài quá, có phần Mở đoạn, Thân đoạn và Kết đoạn rõ ràng.  - các câu trong đoạn phải đúng ngữ pháp, tập trung vào chủ đề, liên kết với nhau bằng các phương tiện phù hợp.  - Hạn chế lỗi về chính tả và diễn đạt.  **GV**: Nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. |  |

**4. Hoạt động 4: VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

***b. Phương pháp dạy học:*** Hỏi đáp

***c. Kĩ thuật dạy học:*** Động não

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV**: Đặt câu hỏi kết nối với phần tri thức ngữ văn và đời sống.  *Câu 1: Từ việc đọc hiểu văn bản "Bản đồ dẫn đường", em hãy rút ra mối quan hệ giữa lí lẽ và bằng chứng trong một bài văn nghị luận.*  *Câu 2: Tưởng tượng mình là Sam, em hãy viết bức thư ngắn(khoảng 10 câu) để hồi đáp những lời nhắn nhủ, dặn dò của ông ngoại, trong thư trả lười câu hỏi của ông “ Sam, bản đồ dẫn đường của cháu như thế nào?”*  **HS**: - Lắng nghe, thực hiện nhiệm vụ cá nhân.  - Nhận xét, bổ sung.  **GV**: Nhận xét, kết luận | **\* Mối quan hệ giữa lí lẽ và bằng chứng:**  - ***Ý kiến*** thường là một nhận xét mang tính khẳng định hoặc phủ định thường nêu ở nhan đề hoặc mở đầu bài viết.  - ***Lí lẽ*** thường tập trung nêu nguyên nhân, trả lời các câu hỏi: *Vì sao?, Do đâu?*  - ***Bằng chứng*** (dẫn chứng) thường là các hiện tượng, số liệu cụ thể nhằm minh họa, làm sáng tỏ cho lí lẽ.  => Ý kiến – lí lẽ - bằng chứng chặt chẽ, văn bản trở nên rành mạch, chặt chẽ. |

**Nhắc việc:**

- Đọc, ghi nhớ kiến thức bài học.

- Đọc phần Thực hành tiếng Việt (mạch lạc và liên kết) / Sgk – Tg 59 + 60

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | |
| Hình ảnh | Ý nghĩa |
| *Tấm bản đồ dẫn dường* |  |
| Nơi sáng sủa |  |
| Bóng tối |  |
| Con đường |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2** | |
| 1. Vấn đề được bàn trong Bản đồ dẫn đường là gì? |  |
| 2. Mục đích kể chuyện của người viết?  Hành động tìm chìa khóa của người đàn ông kì khôi như thế nào?  Sự kì khôi thể hiện như thế nào trong lập luận của ông ta? |  |
| 3. Mối liên hệ giữa câu chuyện và vấn đề đưa ra để bàn bạc là ở đâu? |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1.Tấm bản đồ** | **Cách nhìn về cuộc đời,**  **con người** | Lí lẽ…………………………...................  ………………………………………….............................…………………………. |
| Bằng chứng: ..............................................  ............................................................................................................................................................................................................................................................................ |
| **Cách nhìn nhận về bản thân** | Lí lẽ: ..........................................................  ............................................................................................................................................................................................................................................................................ |
| Bằng chứng ...............................................  ........................................................................................................................................................................................................ |
| Nhận xét gì về cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng? | | ……………………………………….......  ……………………………………….......  ................................................................... |
| *2. “Cháu biết không, tấm bản đó của ông lúc áy thật sự bế tắc -* “ông" đã tâm sự với “cháu" như vậy. Theo em, vì sao “ông" bế tắc trong việc tìm kiếm tấm bản đổ của [riêng mình? Kinh nghiệm ấy của “ông"](https://blogtailieu.com/) có thể giúp “cháu" rút ra được bài học gì? | | .................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................. |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4** | |
| 1. Có phải cuộc sống chỉ toàn lo âu, đau khổ? | …………………………………………………................  …………………………………………………................  ............................................................................................ |
| 2. Có phải cuộc sống thực sự là một món quà quý? | ………………………………………………....................  ………………………………………………....................  ……………………………………………….................... |
| 3. Hai cách nhìn đó khác nhau như thế nào? Có loại trừ nhau không? | ………………………………………………...................  ………………………………………………....................  ……………………………………………….................... |
| 4. Điều gì dẫn đến sự khác biệt ở hai cách nhìn cuộc sống như vậy?  -Liệu có thể có một cách nhìn trung gian giữa hai cách nhìn kia? | ………………………………………………....................  ………………………………………………....................  ……………………………………………….................... |

**TIẾT 101: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (1 tiết)**

**MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT**

**(BIỆN PHÁP LIÊN KẾT VÀ TỪ NGỮ LIÊN KẾT)**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

***1. Năng lực***

- Củng cố lại kiến thức về mạch lạc và liên kết.

- Nhận biết và nắm được các biện pháp liên kết và phương tiện liên kết trong văn bản.

***2. Về phẩm chất***

- Có ý thức sử dụng các phương tiện liên kết trong bài viết.

- Yêu thích môn học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

***1. Hoạt động 1:* MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Phương pháp:** Trò chơi (*Rồng rắn lên mây*).

**c. Kĩ thuật:** Tia chớp

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV:** Nêu nhiệm vụ củng cố hai khái niệm liên kết và mạch lạc, các biện pháp và phương tiện kết thông dụng, liên kết các câu trong đoạn và liên kết các đoạn trong văn bản.  *(?) Nhắc lại thế nào là mạch lạc? Phân tích tính mạch lạc trong đoạn văn sau:*  *Mùa đông, giữa ngày mùa, làng quê toàn màu vàng - những màu vàng rất khác nhau. Màu lúa chín dưới đồng vàng xuộm lại. Nắng nhạt ngả màu vàng hoe. Trong vườn, lắc lư những chùm quả xoan vàng lịm không trông thấy cuống, như những chuỗi tràng hạt bồ đề treo lơ lửng. Từng chiếc lá mít vàng sẫm. Tàu đu đủ, chiếc lá sắn héo lại mở năm cánh vàng tươi. Dưới sân, rơm và thóc vàng giòn. Quanh đó con gà, con chó cũng vàng mượt. Tất cả nhuộm một màu vàng trù phú, đầm ấm lạ lùng.*  **HS**: - Tiếp nhận nhiệm vụ, kết nối với thực tế.  - Suy nghĩ, trả lời cá nhân  - Bổ sung câu trả lời cho bạn  **GV**: Nhận xét câu trả lời của HS => Dẫn dắt vào bài học mới:Để văn bản có tính mạch lạc cần sử dụng các biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết như thế nào? Chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay. | - Là sự liền mạch về nội dung của một đoạn văn hoặc văn bản, thể hiện qua:  + Thống nhất về đề tài  + Tiếp nối trình tự hợp lí giữa các câu trong đoạn văn, giữa các đoạn trong văn bản  - Đề tài: Phong cảnh ngày mùa.  - Nội dung: Vẽ lên một bức tranh quang cảnh ngày mùa trù phú, đầm ấm, tươi sáng.  - Trình tự: không gian: cao -> thấp, gần -> xa |

***2. Hoạt động 2:* HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết được những từ ngữ liên kết và một số biện pháp liên kết.

***b. Phương pháp:*** Thuyết trình

***c. Kĩ thuật:*** Sơ đồ tư duy

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV:** Chuyển giao nhiệm vụ cho HS:  *(?) Nhắc lại thế nào là liên kết? Mối liên hệ giữa liên kết và mạch lạc?*  *(?) Khi liên kết thường sử dụng phương tiện gì?*  *(?) Có mấy biện pháp (phép) liên kết, đó là những biện pháp nào?*  *(?) Nhận diện các phép liên kết và phương tiện liên kết qua các ngữ liệu sau:*  a) *Có lẽ cháu nghĩ rằng tấm bản đồ của ông sau đó đã trở nên rõ ràng hơn, khi ông đã trưởng thành. Nhưng không phải vậy đâu Sam à.*  (Đa-ni-en Gốt-li-ep, *Bản đồ dẫn đường*)  b) *Khi ông còn nhỏ, mẹ ông luôn nhìn cuộc đời này như một nơi đầy hiểm nguy. Bà vẫn hay nói với ông rằng, để tồn tại, ông phải luôn đề phòng, phải luôn cảnh giác.*  (Đa-ni-en Gốt-li-ep, *Bản đồ dẫn đường*)  c) *Cháu biết không, tấm bản đồ đó của ông lúc ấy thật sự bế tắc. Ông không biết có phải mình là người quá ngây thơ, khờ khạo hay không. […] Ông cảm thấy mặt đất dưới chân mình sao mà bấp bênh và ông bền vững.*  (Đa-ni-en Gốt-li-ep, *Bản đồ dẫn đường*)  **HS**: - Lắng nghe yêu cầu, trao đổi nhóm bàn  - Cử đại diện báo cáo kết quả bằng sơ đồ tư duy  - Nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.  **GV**: Nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng. | **I. Lí thuyết: Biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết**  - Liên kết là quan hệ về mặt hình thức giữa các câu trong đoạn hoặc giữa các đoạn trong văn bản.  - Phương tiện liên kết: Từ ngữ  - Các phép liên kết:  + Phép nối (đoạn a – “Nhưng”  + Phép thế (đoạn b – “mẹ ông” -> “Bà”)  + Phép lặp (đoạn c – “ông”) |

***3. Hoạt động 3:* LUYỆN TẬP**

***a. Mục tiêu:***Củng cố lại kiến thức đã học.

***b. Phương pháp:*** Làm việc nhóm

***c. Kĩ thuật dạy học:*** Trình bày

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV**: Yêu cầu HS các nhóm trình bày sản phẩm đã chuẩn bị ở nhà bài tập 1,2,3,4,5 SGK tr.60  **HS**: - Lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.  - Thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Trình bày sản phẩm thảo luận  - Nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu có).  **GV**: Nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng | **II. Luyện tập:**  ***Bài tập 1/ Sgk – Tg 60***  **-** Đoạn 1: Ông nhớ lại cách nhìn cuộc đời của mẹ ông và bố  - Đoạn 2: Ông luôn tin tưởng vào mọi người, ngược lại mẹ ông luôn hoài nghi  => Các câu đều tập trung thể hiện chủ đề, giữa các câu có sự liên kết về hình thức.  ***Bài tập 2/ Sgk – Tg 60***  - Đoạn 1:  + Câu 2-1: Lặp từ ngữ: *bản đồ dẫn đường của cháu – tấm bản đồ của ông*  + Câu 3-2: Lặp từ: “ông”  + Câu 4-3: Đại từ thay thế: *mẹ ông – Bà*  Lặp từ: “ông”  + Câu 5-4: Từ ngữ thay thế: *quan điểm đó*...  Lặp từ: “ông”  - Đoạn 2: Lặp từ: “ông”  ***Bài tập 3/ Sgk – Tg 60***  Phương tiện liên kết đoạn: Câu 1 (đoạn 2) – từ liên kết: “Nhưng”  Lặp từ “quan điểm”  ***Bài tập 4/ Sgk – Tg 60***  - Tập hợp 1: 2,4,1,5,3 -> không còn phương tiện liên kết, không có mối quan hệ về nội dung  - Tập hợp 2: 7,3,4,6,1,5,2 -> phương tiện liên kết vẫn tồn tại, không có sự liên hệ về nội dung  => Hỗn độn, không toát ra chủ đề  ***Bài tập 5/ Sgk – tg 60***  - Không thay đổi nội dung, ý nghĩa ở mỗi đoạn  - Không có quan hệ logic, không phù hợp với thực tế giao tiếp (Câu chuyện về sự trái ngược trong cách nhìn người – ông sẽ kể câu chuyện) |

***4. Hoạt động 4:* VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

***b. Phương pháp:*** Viết theo tiến trình

***c. Kĩ thuật****:* Viết tích cực

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV**: Yêu cầu HS: Viết một đoạn văn ngắn (8 – 10 câu) nêu suy nghĩ của em về câu nói “Tương lai là do sự lựa chọn của chúng ta từ bây giờ ”. Trong đoạn văn có sử dụng các phép liên kết. (Gạch chân, chú thích rõ).  **HS**: - Lắng nghe yêu cầu  - Suy nghĩ, tự viết đoạn văn  - Đoạn đoạn văn trước lớp  **GV**: Nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | Một đoạn văn ngắn:  *\* Hình thức:*  - Đảm bảo dúng hình thức đoạn văn  - Đảm bảo độ dài: (8 – 10 câu)  - Diễn đạt lưu loát, rõ ràng, không mắc lỗi diễn đạt, chính tả, ngữ pháp …  *\* Tiếng Việt:* Có các phép liên kết. (Gạch chân, chú thích rõ).  *\* Nội dung:* suy nghĩ về câu nói “Tương lai là do sự lựa chọn của chúng ta từ bây giờ ”. |

***\*\* Nhắc việc:***

- HS hoàn thành bài tập

- HS chuẩn bị nội dung tiết 102,103,104: Ôn tập kiểm tra giữa học kì II.

**Tiết 102:**

**ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Năng lực*:***

- Biết khái quát những kiến thức cơ bản đã học từ đầu học kì II (bài 6,7,8).

- Biết vận dụng các kiến thức đã học để hoàn thành các dạng bài tập tổng hợp phẩn đọc hiểu và viết theo yêu cầu.

**2. Phẩm chất**:

- Chăm chỉ: Tự giác hệ thống kiến thức và hoàn thành các bài tập GV giao về nhà; tự giác lao động, chăm sóc bản thân.

- Trách nhiệm: Có ý thức học tập nghiêm túc, tự giác; có ý thức xây dựng bài và hoàn thiện bài tập đầy đủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Giáo viên:**

Kế hoạch bài dạy, SGK, SGV, máy chiếu, máy tính, bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập,

**2. Học sinh:**

Vở ghi, SGK, tài liệu tham khảo (nếu có), hệ thống kiến thức, làm bài tập theo phiếu học tập đã giao.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY** - **HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức**: *2 phút.*

**2. Kiểm tra:** Không.

**3. Bài mới:** *41 phút*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU *(4 phút)*** | |
| **Mục tiêu**:  Tạo tâm thế học tập cho học sinh, kết nối với các nội dung đã học trong bài. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung/Sản phẩm** |
| - GV chiếu một số sơ đồ khái quát kiến thức của các bài học 6,7,8 đã thực hiện và yêu cầu HS nhận xét về ý thức chuẩn bị bài của học sinh.  - HS nhận xét.  - GV động viên, đánh giá  - GV yêu cầu HS giới thiệu tiết học.  - GV dẫn vào bài (nếu cần). | Từ đầu kì II, các em đã làm quen với 3 chủ đề*: Bài học cuộc sống, Thế giới viễn tưởng, Trải nghiệm để trưởng thành* với các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe cụ thể. Để khái quát lại kiến thức và ôn luyện các dạng bài tập tổng hợp chuẩn bị cho bài thi giữa kì II, chúng ta vào bài hôm nay. |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HỆ THỐNG KIẾN THỨC (*10 phút)***  **Mục tiêu**:  - Ghi nhớ và hệ thống được các kiến thức và kĩ năng cần nhớ đã học từ đầu năm.  - Nhận diện và hiểu được các kiến thức cơ bản đã học. | |
| - GV yêu cầu HS kiểm tra lại các phần chuẩn bị của mình, nhắc lại các kiến thức cơ bản đã học từ đầu học kì II (trình bày bằng các sơ đồ, bảng hệ thống theo hướng dẫn từ tiết trước).  - HS dán kết quả chuẩn bị, trình bày.  - HS nhận xét, bổ sung (nếu cần).  - GV động viên, nhắc nhở học sinh, chuẩn kiến thức.  - HS theo dõi, hoàn thiện. | **A. KIẾN THỨC CƠ BẢN:**  **I. Đọc và thực hành Tiếng Việt:**  **II. Viết**:  **III. Nói và nghe**:  (Bảng hệ thống cuối giáo án) |
| **HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP *(27 phút)***  **Mục tiêu**:  HS vận dụng những kiến thức đã học bài 6,7,8 để làm các dạng bài tập:  HS đọc hiểu ngữ liệu để trả lời được các câu hỏi đọc hiểu và viết đoạn văn, bài văn. | |
| - GV chiếu đề bài, yêu cầu HS nhận xét về cấu trúc đề tổng hợp.  - HS nhận xét.  - GV chuẩn kiến thức về cấu trúc đề.  - GV yêu cầu HS trình bày bài làm từng phần:  \* Đọc hiểu:  + Câu hỏi TN: HS trả lời bằng hình thức giơ đáp án.  + Câu hỏi tự luận: HS trình bày trên bảng.  - HS nhận xét.  - GV chuẩn kiến thức.  \* Bài văn: GV hướng dẫn HS lập dàn ý cần đạt cho bài văn.  - HS đọc bài văn đã viết.  - HS nhận xét.  - GV đánh giá, chuẩn kiến thức (chiếu đoạn tham khảo - nếu cần).  - GV nắm bắt việc làm bài của HS cả lớp. | **B. LUYỆN TẬP**  **Đề bài:** |
| **I. ĐỌC- HIỂU (6.0 điểm)**  **Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**  **KIẾN VÀ CHÂU CHẤU**  *Vào một ngày hè nắng chói chang và gió thổi mát rượi, một chú châu chấu xanh nhảy tanh tách trên cánh đồng, miệng chú ca hát ríu ra ríu rít. Bỗng chú bắt gặp bạn kiến đi ngang qua, bạn ấy đang còng lưng cõng một hạt ngô để tha về tổ. Châu chấu cất giọng rủ rê: “Bạn kiến ơi, thay vì làm việc cực nhọc, chi bằng bạn hãy lại đây trò truyện và đi chơi thoả thích cùng tớ đi!”. Kiến trả lời: “Không, tớ bận lắm, tớ còn phải đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông sắp tới. Bạn cũng nên làm như vậy đi bạn châu chấu ạ”. “Còn lâu mới tới mùa đông, bạn chỉ khéo lo xa”. Châu chấu mỉa mai. Kiến dường như không quan tâm tới những lời của châu chấu xanh, nó tiếp tục tha mồi về tổ một cách chăm chỉ và cần mẫn.*  *Thế rồi mùa đông lạnh lẽo cũng tới, thức ăn trở nên khan hiếm, châu chấu xanh vì mải chơi không chuẩn bị lương thực nên giờ sắp kiệt sức vì đói và rét. Còn bạn kiến của chúng ta thì có một mùa đông no đủ với một tổ đầy những ngô, lúa mì mà bạn ấy đã chăm chỉ tha về suốt cả mùa hè.*  ***(“Kiến và Châu chấu”- trang 3 - NXB thông tin)***  **Câu 1**. Truyện *Kiến và châu chấu* thuộc thể loại nào?  A. Truyện ngụ ngôn.  B. Truyện đồng thoại.  C. Truyền thuyết.  D. Thần thoại.  **Câu 2**. ***Vào những ngày hè, chú châu chấu đã làm gì?***  A. Nhảy tanh tách trên cánh đồng, miệng ca hát ríu ra ríu rít.  B. Siêng năng làm bài tập về nhà cô giáo phát.  C. Cần cù thu thập đồ ăn dự trữ cho mùa đông.  D. Giúp châu chấu mẹ dọn dẹp nhà cửa.  **Câu 3*. Châu chấu đã rủ kiến làm gì cùng mình?***  A. Cùng nhau thu hoạch rau củ trên cánh đồng.  B. Trò chuyện và đi chơi thoả thích.  C. Cùng nhau về nhà châu chấu chơi.  D. Cùng nhau chuẩn bị lương thực cho mùa đông.  **Câu 4*.*** Trạng ngữ *in nghiêng* trong câu sau được dùng để làm gì ?  *“Vào một ngày hè nắng chói chang và gió thổi mát rượi*, một chú châu chấu xanh nhảy tanh tách trên cánh đồng, miệng chú ca hát ríu ra ríu rít.”  A. Chỉ nguyên nhân.  B. Chỉ thời gian.  C. Chỉ mục đích.  D. Chỉ phương tiện.  **Câu 5.** Câu chuyện trên bàn về:  A. Tính siêng năng, biết lo xa  B. Thói lười biếng  C. Tính tiết kiệm  D. Tính ích kỉ  **Câu 6**. Theo em, châu chấu là những hình ảnh đại diện cho những kiểu người nào trong cuộc sống?  A. Những người chỉ biết hưởng thụ.  B. Những người chăm chỉ.  C. Những người biết lo xa .  D. Những người vô lo, vô nghĩ, lười biếng.  **Câu 7**. Vì sao kiến lại có một mùa đông no đủ?  A. Kiến còn dư thừa nhiều lương thực.  B. Kiến chăm chỉ, biết lo xa.  C. Kiến được bố mẹ cho nhiều lương thực.  D. Được mùa ngô và lúa mì.  **Câu 8. Từ “kiệt sức” có nghĩa là gì?**  A. Không còn sức để làm.  B. Không có sức khỏe.  C. Yếu đuối.  D. Yếu ớt.  **Câu 9**. Tóm tắt ngắn gọn nội dung câu chuyện trên bằng 3-5 câu văn.  **Câu 10**. Từ câu chuyện trên, em rút ra bài học gì cho bản thân? (viết thành đoạn văn 4-6 câu).  **II. LÀM VĂN (4.0 điểm)**  Trò chơi điện tử là món tiêu khiển khiển hấp dẫn, nhiều bạn vì mải chơi mà sao nhãng học tập. Em hãy viết bài văn bày tỏ suy nghĩ của mình về hiện tượng trên?  **Yêu cầu:**  **PHẦN I. ĐỌC HIỂU**  **Từ câu 1 đến câu 8, HS chọn các đáp án:**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | Đáp án | A | A | B | B | A | D | B | A |   9. HS viết thành đoạn văn 3-5 câu, tóm tắt ngắn gọn nội dung câu chuyện:  Kiến chăm chỉ làm việc ngay cả trong mùa hè để tích trữ lương thực cho mùa đông lạnh lẽo. Trong khi đó, châu chấu lại tranh thủ múa hát và vui chơi suốt mùa hè. Châu chấu cho rằng kiến thật không biết hưởng thụ khi mãi chăm chăm làm việc quần quật nên Kiến rủ chân chấu đi chơi với mình nhưng châu chấu không đồng ý. Khi mùa đông tới, kiến thì no đủ còn châu chấu kiệt sức vì đói và rét.  10.HS viết thành đoạn văn 4-6 câu rút ra bài học phù hợp cho bản thân:  - Luôn chăm chỉ trong học tập và làm việc, không được ham chơi, lười biếng.  - Biết nhìn xa trông rộng; phải học cách nhận biết điều gì sẽ xảy ra tiếp theo để chuẩn bị ngay từ bây giờ để khỏi bở ngỡ.  **PHẦN II. LÀM VĂN**  a. Hình thức: Đảm bảo bố cục bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về trò chơi điện tử.  b. Nội dung:  HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Nêu được vấn đề cần nghị luận  - Giải thích được khái niệm trò chơi điện tử là gì?  - Thực trạng của việc chơi trò chơi điện tử của lứa tuổi học sinh.  - Chỉ ra những lợi ích và tác hại của trò chơi điện tử.  - Đề xuất giải pháp. | |

**\* BẢNG HỆ THỐNG CÁC KĨ NĂNG CƠ BẢN:**

**I. Đọc và thực hành tiếng Việt**

**1. Đọc**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên loại, thể loại văn bản** | **Đặc điểm nội dung** | **Đặc điểm hình thức** | **Tên văn bản hoặc nhóm văn bản đã học** |
| 1 | Truyện ngụ ngôn | Thuyết minh cho một chủ đề luân lý, triết lý một quan niệm nhân sinh hay một nhận xét về thực tế xã hội hay những thói hư tật xấu của con người. | - Tự sự cỡ nhỏ  - Thường sử dụng lối diễn đạt ám chỉ, ngụ ý, bóng gió | - Đẽo cày giữa đường  - Ếch ngồi đáy giếng. |
| 2 | Tục ngữ | Đúc kết nhận thức về tự nhiên và xã hội, kinh nghiệm về đạo đức và ứng xử trong đời sống. | - Là những câu nói ngắn gọn, nhịp nhàng, cân đối, thường có vần điệu. | Một số câu tục ngữ Việt Nam |
| 3 | Truyện khoa học viễn tưởng | - Viết về thế giới tương lai dựa trên sự phát triển của khoa học dự đoán.  - Đề tài: thường là những cuộc thám hiểm vũ trụ, du hành xuyên thời gian,...  - Không gian: Không gian Trái Đất, ngoài Trái Đất,...  - Thời gian: thời gian trong tương lai xa, xét từ mốc ra đời của tác phẩm.  - Cốt truyện: gồm một chuỗi tình huống, sự kiện hoàn toàn tưởng tượng, dựa trên những giả thuyết.  - Nhân vật chính: thường có sức mạnh thể chất phi thường, có trí thông minh để tạo ra những phát minh,... | - Thường có tính chất li kì.    - Sử dụng cách viết lô-gíc | - Cuộc chạm trán trên đại dương |

**2. TH tiếng Việt:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học** | **Kiến thức được củng cố** | **Kiến thức mới** |
| 1 | Bài 6: Bài học cuộc sống |  | - Thành ngữ  - Nói quá |
| 2 | Bài 7: Thế giới viễn tưởng | Dấu ngoặc kép | - Mạch lạc và liên kết của văn bản  - Dấu chấm lửng |
| 3 | Bài 8: Trải nghiệm để trưởng thành |  | - Phương tiện liên kết  - Thuật ngữ |

**II. Viết**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kiểu bài viết** | **Đề tài đã chọn viết** | **Đề tài khác có thể viết** |
| 1 | Văn nghị luận | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành) | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối) |
| 2 | Văn thuyết minh | Thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong chơi hay hoạt động | Thuyết minh về một bộ phim hay một cuốn sách hay, … |
| 3 | Văn phân tích | Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc | Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học mà em thích |

**III. Nói và nghe:**

+ Kể lại một truyện ngụ ngôn

+ Thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người

+ Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống

**4. Hướng dẫn học bài và chuẩn bị tiết sau: *(2 phút):***

- Hoàn thiện bài văn và ôn kĩ các ND kiến thức đã học từ đầu học kì II.

- Chuẩn bị giấy nháp, bút, thước để tiết sau làm bài kiểm tra.

**Tiết 103,104:**

**KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Năng lực:**

-Rèn luyện cho HS năng lực tổng hợp khái quát kiến thức và làm bài kiểm tra.

- Rèn luyện cho HS năng lực: Đọc - hiểu, viết trong một thời gian cố định.

**2. Phẩm chất**:

- Trách nhiệm: Có ý thức làm bài nghiêm túc, tự giác hoàn thành bài kiểm tra

- Trung thực: Giáo dục HS tinh thần trung thực, ý thức tự lực suy nghĩ làm bài.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Giáo viên:**

Đề kiểm tra

**2. Học sinh:**

Giấy kiểm tra, đồ dùng học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY** - **HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức**:

**2. Kiểm tra bài cũ**.

**3. Bài mới:** *90 phút*

**A. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/**  **đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn. | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | 60 |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**B. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/**  **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, thể loại,chi tiết tiêu biểu của văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.  - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.  - Xác định được các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.  **-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | | 3TN | | 5TN | 2TL |  |
|  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)  **Vận dụng:**  Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được cảm xúc của bản thân trước vấn đề cần bàn luận.  **Vận dụng cao:**  Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. | | **1\*** | | **1\*** | **1\*** | **1 TL\*** |
| **Tổng** | | | |  | | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | | |  | | **20** | **40** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | | |  | | **60** | | **40** | |

**C. ĐỀ KIỂM TRA**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**RÙA VÀ THỎ**

Một buổi sáng trời mát mẻ, bên bờ hồ trong xanh, Rùa đang hì hục tập chạy.

Thỏ đi qua, nhìn thấy vậy thì phá lên cười, nhạo báng:

- Cậu nên thôi cái việc vô ích ấy đi. Khắp cả khu rừng này, ai chả biết họ nhà cậu là giống loài chậm chạm nhất.

Rùa ngẩng lên, đáp:

- Tôi tập chạy cho khỏe.

Thỏ nói:

- Tôi nói thật đấy! Dù cậu có dành cả đời tập chạy, cũng không bao giờ theo kịp được tôi. Rùa bực mình vì vẻ ngạo mạn của Thỏ, trả lời lại:

- Nếu vậy tôi với anh thử chạy thi xem ai trong chúng ta sẽ về đích trước.

Thỏ phá lên cười, bảo rằng:

- Sao cậu không rủ Sên thi cùng ấy. Chắc chắn cậu sẽ thắng!

Rùa nói chắc nịch:

- Anh đừng có chế giễu tôi. Chúng ta cứ thử thi xem sao. Chưa biết ai thua cuộc đâu!

Thỏ nhíu mày, vểnh đôi tai lên tự đắc:

- Được thôi! Tôi sẽ cho cậu thấy

[Rùa và Thỏ](https://truyendangian.com/rua-va-tho/) quy ước lấy gốc cây cổ thụ bên kia hồ làm đích rồi cả hai vào vạch xuất phát. Thỏ vẫn ngạo nghễ:

- Tôi chấp cậu chạy trước nửa đường luôn đấy!

Biết mình chậm chạm, Rùa không nói gì, chỉ tập chung dồn sức chạy thật nhanh.

Thỏ nhìn theo mỉm cười, vỗ tay cổ vũ Rùa. Thỏ nghĩ: “Giờ mà chạy có thắng cậu ta cũng chả vẻ vang gì. Để lúc nào Rùa gần tới nơi, mình phóng lên cán đích trước càng khiến cậu ta nể phục.” Thế là Thỏ nhởn nhơ gặm cỏ, đuổi theo vui đùa cùng lũ bướm ven đường. Mải chơi, Thỏ quên mất cả cuộc thi.

Thỏ đang khoan thai nằm lim dim ngắm bầu trời trong xanh, mây trôi nhè nhẹ. Bỗng bật dậy nhớ tới cuộc thi. Ngước đầu lên thì Rùa đã gần tới đích. Thỏ cắm đầu cắm cổ chạy miết nhưng không kịp nữa. Rùa đã cán đích trước Thỏ một đoạn đường dài.

***Câu chuyện Rùa và Thỏ****– Truyện ngụ ngôn La Phông-ten*  
*– TruyenDanGian.Com –*

**Câu 1**. **Truyện "*Rùa và Thỏ"* thuộc thể loại nào?**

A. Truyện thần thoại. B. Truyện ngụ ngôn. C. Truyền thuyết. D. Truyện cổ tích.

**Câu 2**. **Xác định thành phần trạng ngữ trong câu văn sau: *"Một buổi sáng trời mát mẻ, bên bờ hồ trong xanh, Rùa đang hì hục tập chạy"?***

A. Một buổi sáng trời mát mẻ

B. Một buổi sáng

C. Một buổi sáng trời mát mẻ, bên bờ hồ trong xanh

D. Một buổi sáng trời mát mẻ, bên bờ hồ

**Câu 3**. **Điểm mạnh của Rùa là gì?**

A. Luôn cố gắng, kiên trì. B. Chậm chạp. C. Khiêm tốn. D. Dũng cảm

**Câu 4*.* *"...Thỏ nhìn theo mỉm cười, vỗ tay cổ vũ Rùa. Thỏ nghĩ: “Giờ mà chạy có thắng cậu ta cũng chả vẻ vang gì."* Hai câu văn trên liên kết với nhau bằng biện pháp tu từ nào?**

A. Phép nối.

B. Phép lặp.

C. Phép thế.

**Câu 5. Từ *“cổ thụ*” có nghĩa là gì?**

A. Di tích lịch sử

B. Cây to lâu năm

C.Xưa và có vẻ trang nghiêm.

D. Tác phẩm văn học nghệ thuật có tính chất tiêu biểu.

**Câu 6**. **Hành vi không khiêm tốn của Thỏ được thể hiện ở cụm từ/câu?**

A. Cắm đầu cắm cổ chạy miết

B. Nhìn theo mỉm cười.

C. Nhấm nháp vài ngọn cỏ, vẻ mặt khoan khoái

D. Mải chơi, Thỏ quên mất cả cuộc thi.

**Câu 7. *"Anh đừng có chế giễu tôi. Chúng ta cứ thử thi xem sao. Chưa biết ai thua cuộc đâu"!* Lời nói của Rùa thể hiện điều gì?**

A. Coi thường Thỏ.

B. Kiêu căng, ngạo mạn.

C. Khiêm tốn.

D. Quyết tâm, chăm chỉ, nỗ lực.

**Câu 8. Dòng nào dưới đây, thể hiện đúng nhất về tính cách của nhân vật "Thỏ"?**

A. Nhút nhát.

B. Bình tĩnh, khôn ngoan.

C. Yếu đuối.

D. Tự tin thái quá vào bản thân.

**Câu 9**. Hãy tóm tắt truyện ngắn Rùa và Thỏ bằng một đoạn văn từ 5 đến 7 câu?

**Câu 10**. Bài học tâm đắc nhất mà em rút ra từ câu chuyện?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Có ý kiến cho rằng: *“Sống trải nghiệm là lối sống rất cần thiết cho giới trẻ hôm nay”.* Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên?

**D. HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | \* HS nêu được:  - Thỏ vốn khinh thường Rùa và chê Rùa chậm chạp. Rùa công khai thách Thỏ chạy thi  - Vào cuộc thi, Rùa cần mẫn chăm chỉ. Thỏ cậy mình chạy nhanh cứ nhởn nhơ gặm cỏ, nằm ngắm trời mây...  - Lúc Thỏ nhớ tới cuộc thi thì Rùa đã về gần tới đích, Thỏ thua cuộc. | 1,0 |
|  | **10** | Bài học rút ra:  - Sự chăm chỉ, cố gắng, kiên trì có thể làm nên chiến thắng.  - Tự tin là vào bản thân là tốt nhưng thái quá lại hóa tự phụ chủ quan. Cần khiêm tốn và biết tự tin vừa đủ. ... | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Viết bài văn nghị luận trình bày quan điểm về trải nghiệm là sự cần thiết cho giới trẻ hôm nay. | 0,25 |
|  | *c. Yêu cầu đối với* bài văn nghị luận  HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 0,5 |
|  | - Nêu được vấn đề cần nghị luận  - Giải thích được khái niệm trải nghiệm là gì? (Là tự mình trải qua để có được hiểu biết, kinh nghiệm, tích lũy được nhiều kiến thức và vốn sống)  - Bình luận và chứng minh về vai trò, ý nghĩa và sự cần thiết của trải nghiệm đối với cuộc sống của con người đặc biệt là tuổi trẻ. (Hiểu biết, kinh nghiệm, có cách nghĩ, cách sống tích cực, biết yêu thương, quan tâm chia sẻ.... Trải nghiệm giúp bản thân khám phá ra chính mình để có quyết định đúng đắn, sáng suốt...; Giúp con người sáng tạo, biết cách vượt qua khó khăn, có bản lĩnh, nghị lực...(dẫn chứng) ).  - Chỉ ra những tác hại của lối sống thụ động, ỷ lại, nhàm chán, vô ích, đắm chìm trong thế giới ảo (game), các tệ nạn...  - Bài học rút ra: Vai trò to lớn, cần thiết, có lối sống tích cực, có trải nghiệm để bản thân trưởng thành, sống đẹp...  - Đánh giá, khẳng định tính đúng đắn của vấn đề nghị luận. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. | 0,25 |

**4. Hướng dẫn học bài và chuẩn bị tiết sau:**

- Soạn bài: Hãy cầm lấy và đọc (Giao nhiệm vụ cho các nhóm)

**ĐỌC**

**TIẾT:****105+106****Văn bản 2: HÃY CẦM LẤY VÀ ĐỌC ( 2 tiết)**

**(Huỳnh Như phương)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG** | | | | | | |
| ***Mục tiêu***: Chia sẻ những câu danh ngôn nói về sách hay những thể loại sách yêu thích đem lại những điều bổ ích cho chúng ta sau khi đọc  - Tạo hứng thú cho học sinh tiếp nhận bài học mới | | | | | | |
| **Tổ chức hoạt động** | | **Hoạt động của HS** | | | | **Kết quả/Sản phẩm học tập** |
| GV đặt câu hỏi gợi mở cho HS chia sẻ trong nhóm:  -Nêu một câu danh ngôn nói về sách hoặc nói về việc đọc sách em cho là có ý nghĩa?  -Em đã từng đọc những loại sách nào? Em thu nhận được điều gì bổ ích sau khi đọc một cuốn sách? | | - HS nghe GV nêu yêu cầu, suy nghĩ và chia sẻ câu trả lời.  **-**  GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời của các em trước lớp, HS khác lắng nghe và bổ sung. | | | | -Câu danh ngôn  -Cảm nhận về một cuốn sách |
| GV dẫn dắt vào bài học mới:  M.Goocki từng nói: “ Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới”  Hay Louisa May Alcott nói: “ Sách hay cũng như người bạn tốt, ít và được lựa chọn; chọn lựa càng nhiều, thưởng thức càng nhiều”  Thật vậy sách là một kho tàng tri thức khổng lồ, là tinh hoa của nhân loại. Sách đem đến cho mỗi người rất nhiều điều bổ ích, chữa lành tâm hồn con người, đưa con người tới chiếm lĩnh tri thức và thế giới. Trong văn bản **Hãy cầm lấy và đọc** mà chúng ta sẽ được học ngày hôm nay, hãy cùng nhau đi lĩnh hội những tri thức mới nhé. | | | | | | |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  Hoạt động 2.1: Đọc văn bản và tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm  Mục tiêu:   * Đọc to, rõ ràng; chú ý phân biệt lời người kể chuyện và lời nói của nhân vật * Nêu được những nét chính về tác giả, tác phẩm | | | | | | |
| **Tổ chức hoạt động** | | | **Hoạt động của HS** | | | **Kết quả/Sản phẩm học tập** |
| GV hướng dẫn HS đọc  + Yêu cầu HS dự kiến cách đọc  + GV đọc mẫu một đoạn sau đó gọi HS đọc tiếp sức  +HS đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát và nhận xét    - Chú ý từ khó:  Sứ mệnh , Trung đại ,Thông điệp, Tuyệt thực, Phản biện,  Tha nhân?  HS trao đổi nhóm thảo luận về phiếu học tập số1   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | | | 1. Nêu những hiểu  biết của em về tác  giả Huỳnh Như Phương? Và tác phẩm: “ Hãy cầm lấy và đọc” |  | | 1.Văn bản được viết theo thể loại nào? |  | | 2. Nêu phương thức  biểu đạt chính của văn bản? |  | | 3. Văn bản này có thể chia làm mấy phần?  Nêu nội dung chính từng phần? |  | | 4. Văn bản bàn về vấn đề gì? |  |   GV gọi HS yêu cầu thuyết trình những hiểu biết của em về tác giả (tiểu sử cuộc đời, sự nghiệp) và tác phẩm  - Trả lời phiếu học tập  - GV nhận xét chốt kiến thức      Thảo luận bản tóm lược một số nội dung chính được tác giả lần lượt trình bày trong văn bản?( Thảo luận theo bàn)        - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Khám phá chi tiết văn bản | | | - HS nêu dự kiến cách đọc văn bản  -HS chú ý lắng nghe  -HS đọc theo yêu cầu  -HS giải thích từ khó  - GV bổ sung    **-**HS thuyết trình về tác giả, tác phẩm  -Nhóm khác nhận xét bổ sung  HS trả lời  HS khác lắng nghe nhận xét, bổ sung.    - Phần 1: Từ đầu ...đến của thời trung đại => Câu chuyện về động lực đọc sách của thánh Au-gu-xtinh  -Phần2: tiếp ...đến vẫn là vô ích =>Những vấn đề của viêc đọc sách  - Phần 3 : còn lại => Nhắc lại thông điệp về đọc sách  -HS trao đổi thảo luận  -HS đưa ra sự việc chính  -HS theo dõi, nhận xét, bổ sung | | | **I. Đọc văn bản và tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**  **1. Đọc văn bản**    **2. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**  **a. Tác giả**    -Huỳnh Như Phương sinh năm 1955, quê ở Quảng Ngãi, là giảng viên đai hoc. nhà nghiên cứu phê bình văn hoc.  -Tác phẩm chính: *Dẫn vào tác phẩm văn chương* (1986); *Trường phái Hình thúc Nga* (2007); *Những nguồn cảm hứng trong văn hoc* (2008);  *Hãy cầm lấy và đọc* (2016); *Giấc mơ, cảnh tượng và cái nhìn* (2019);..  **b. Tác phẩm**      Viết năm 2016**.**  **\* Thể loại :** Văn bản nghị luận.  \* **PTBĐ** : Nghị luận  \* ***Bố cục: 3 phần***  **\* Vấn đề:** bàn luận về việc đọc sách  **\*Các nội dung chính:**  - Câu chuyện về việc lĩnh hội sứ mệnh đọc sách, nghiên cứu của Thánh Au-gu-xtinh.  - Vai trò của việc đọc sách đối với đời sống tinh thần của con người.  - Sự khuyến khích đọc sách đến từ những người có trách nhiệm với ta.  - Sự kì diệu của sách và tác dụng to lớn của việc đọc sách.  - Đọc sách trong điều kiện thay đổi hình thức sách.  - Giải pháp cho tình trạng xuống cấp của văn hoá đọc.  - Nhắc lại thông điệp về việc đọc sách. |
| **Hoạt động 2.2 Khám phá văn bản** | | | | | | |
| **Mục tiêu:**  - Nhận biết được nhu cầu và tầm quan trọng của việc đọc sách đối với đời sống con người, cách chọn sách, cách đọc, biện pháp khắc phục sự xuống cấp của văn hoá đọc.  - Hiểu được cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng, nghệ thuật diễn đạt, cách chuyển và liên kết để hướng tới một chủ đề chung của VB nghị luận.     |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2** | | | 1. Phần mở đầu kết nối với vấn đề đăt ra trong VB như thế nào? | ………………………………………………………………….................................. | | 2. Những lí lẽ, bằng chứng nói về:  - Vai trò, ý nghĩa của sách trong đời sống. | ……………………………………………………………………………………………………................................................... | | 3.Tình trạng sa sút của văn hóa đọc  Phương pháp khắc phục: | ………………………………………………….…………………… ......................... | | 4. Có thể xem đọc sách là 1 trải nghiệm được không? Vì sao? | …………………………………………………………………………........................ |  | | | | | | | |
| **Tổ chức hoạt động** | **Hoạt động của HS** | | | **Kết quả/Sản phẩm học tập** | | |
| GV Chuyển giao nhiệm vụ: yêu cầu HS đọc VBtrong SGK.  - HS trao đổi theo nhóm thống nhất chung **Phiếu học tập 02** đã chuẩn bị trước tại nhà.  1. Phần mở đầu kết nối với vấn đề đăt ra trong VB như thế nào?  - Nhận xét về cách đặt vấn đề của tác giả?  2. Đọc phần 2 :Những lí lẽ, bằng chứng nói về vai trò, ý nghĩa của việc đọc sách trong đời sống?  -GV tổ chức hoạt động cho HS thi đóng vai thuyết phục để bạn thích đọc sách  Xem đội nào thuyết phục ấn tượng nhất  ( GV Chia thành 3 đội mỗi đội trình bày khoảng 2-3 phút )  -Nhận xét các lập luận và bằng chứng tác giả đưa ra đặc biệt là các phép tu từ được sử dụng trong phần 2?tác dụngcủa chúng?  - Câu văn nào thể hiện cách lí giải của tác giả về thông điệp“ Hãy cầm lấy và đọc „  -Em có tán thành ý kiến đó không ? Vì Sao  3.Em hiểu thế nào là tình trạng sa sút của văn hoá đọc? Theo em, do đâu có tình trạng này? Muốn giải quyết tình trạng đó, tác giả nêu ra những điều kiện nào?  4. Có thể xem đọc sách là 1 trải nghiệm được không? Vì sao?  ***GV chốt kiến thức bằng phiếu học tập trên màn chiếu*** *.*  *Nhận xét về cách kết thúc vấn đề ở cuối VB?*  **-** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | Đại diện nhóm lên trình bày   * Các nhóm theo dõi nhận xét , bổ sung * Câu chuyện huyền bí về động lực đọc sách của thánh Au-gu-xtinh trở thành một thông điệp : hãy tiếp xúc trực tiếp với một cuốn sách, hãy tự trải nghiệm mà không bước qua một trung gian nào.   HS tìm những câu văn đưa lí lẽ , bằng chứng nói về vai trò , ý nghĩa của của việc đọc sách  \*Bằng chứng:  - Con chữ trên trang sách hàm chứa văn hóa của một dân tộc, mang hồn thiêng của đất nước.  - Chữ kích thích trí tưởng tượng của người đọc, không bị cố định hóa trong một khuôn khổ, hình thể nào...  - Chữ gợi lên những tư duy hồi đáp, hô ứng hay phản biện  - Chữ là cầu nối những thế hệ cách xa nhau trong lịch sử...  - Đọc sách là đọc cả thế giới và đọc cả tâm hồn con người  - Đọc sách là đọc tha nhân và đọc chính bản thân ta. Nhờ đọc sách mà ta hiểu đời, hiểu người và hiểu cả chính mình  *Dựa vào lý lẽ và bằng chứng mỗi đội cử 1 bạn đóng vai thi thuyết phục trước lớp*  *Các nhóm bổ sung , chấm điểm*  \*Dự kiến  Câu: “Hãy cầm lấy và đọc" có thể xem là một thông điệp: hãy tiếp xúc trực tiếp với một cuốn sách, hãy tự trải nghiệm mà không bước qua một trung gian nào...."  HS tự trình bày ý kiến của mình  HS suy nghĩ trả lời,  Bổ sung ý kiến  **-** HS trình bày cá nhân.  - Các HS khác nhận xét.  -HS trình bày cá nhân.  - Các HS khác nhận xét. | | | **II. Khám phá văn bản**  1. Phần mở đầu : Giới thiệu vấn đề:  - Phần mở đầu câu chuyện huyền bí dùng để dẫn dắt vào vấn đề nghị luận.  =>Đặt vấn đề hấp dẫn, khéo léo , khiến người đọc chú ý hơn    2. Giải quyết vấn đề:  \* Vai trò của sách trong đời sống:  - Lí lẽ: Đọc là một nhu cầu không thể thiếu của con người.    => Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu thuyết phục.  -> Nghệ thuật so sánh , liên tưởng , điệp ngữ cấu trúc nhấn mạnh ý nghĩa, vai trò của việc đọc sách    \*Để khắc phục sự sa sút của văn hóa đọc.  "Cần tính đến cả hai phương diện: chủ thể đọc và đối tượng đọc, nghĩa là phải có người ham đọc và có sách hay để đọc....".  -> Cách phân tích tỉ mỉ, chi tiết.  \* Có thể xem đọc sách là một kiểu trải nghiệm vì:  - Trải nghiệm về cách đọc sách. Người đọc sẽ tìm ra một cách đọc phù hợp với bản thân mình.  - Trải nghiệm cùng nội dung của cuốn sách. Người đọc sẽ có thêm những hiểu biết mới dựa vào nội dung của sách, đó chính là một sự trải nghiệm.  -> Liên hệ thực tiễn có sức thuyết phục .  3.  Kết thúc vấn đề:  - Nhắc lại thông điệp về việc đọc sách.  -> Suy luận độc đáo. | | |
| **Hoạt động 2.3 Tổng kết** | | | | | | |
| **Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản. | | | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Hoạt động của HS** | | | | **Kết quả/ Sản phẩm học tập** | |
| - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS hoạt động cá nhân, tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa của văn bản.     * GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).       GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học. | * HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. | | | | **III. Tổng kết**  **1.Nghệ thuật**:  Lối dẫn dắt độc đáo, lập luận chặt chẽ bằng cách đưa ra lí lẽ, bằng chứng thuyết phục…  - Sử dụng điệp từ, điệp ngữ cấu trúc , phép liên tưởng, so sánh  **2. Nội dung:**  Bài viết thể hiện quan điểm của tác giả về cách nhìn nhận của mình về tầm quan trọng của việc đọc sách và tính cấp thiết của việc khắc phụ sự sa sút văn hóa đọc. Bên cạnh đó, bài viết còn truyền cảm hứng, kêu gọi mọi người yêu sách hơn, đọc sách để giữ văn hóa, mở mang tri thức | |

**HOẠT ĐỘNG 3 : VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC**

**Mục tiêu**

Viết được đoạn văn với chủ đề : Sách là để học không phải để trưng bày

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ chức hoạt động** | **Hoạt động của HS** | **Kết quả/sản phẩm học tập** |
| GV hướng dẫn HS viết đoạn văn  GV hướng dẫn xác định yêu cầu yêu cầu về hình thức và nội dung  Gv trao đổi gợi ý nội dung viết  \*Đánh giá được đoạn văn theo tiêu chí   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tiêu chí đánh giá | | | | 1 | Dung lượng đoạn văn | 1đ | | 2 | Khái quát luận điểm | 1đ | | 3 | Dùng lí lẽ, dẫn chứng làm rõ luận điểm | 5đ | | 4 | Khẳng định vấn đề | 1d | | 5 | Lập luận rõ ràng , mạch lạc | 2đ | | HS theo dõi hướng dẫn  HS xác định yêu cầu  HS viết  HS đọc bài viết của mình  Soi chiếu vào tiêu chí đánh giá  HS khác nhận xét , góp ý | Viết được đoạn văn đảm bảo yêu cầu:   * Hình thức 5-7 câu * Nội dung: Làm rõ câu chủ đề Sách là để đọc ,không phải để trưng bày   + Cần có lí lẽ, lập luận  -Vì sao sách là để đọc chứ không phải để trưng bày? (Vì Thật vậy, sách là kho tàng tri thức của nhân loại,  - Đọc sách không chỉ giúp ta mở rộng tri thức, hiểu biết trên mọi lĩnh vực mà còn giúp ta rèn luyện những kĩ năng, tình cảm, thói quen hữu ích mà đôi khi chúng ta không nhận ra  -Đọc sách là nuôi dưỡng trí tuệ  -Như vậy, sách mới phục vụ thiết thực cho nhu cầu học tập, tìm hiểu, nghiên cứu của con người)  - Đọc sách theo cách nào thì có ích? (Đọc có mục đích, nắm bắt nhanh nội dung, có ghi chép lại) |

**HOẠT ĐỘNG 4 : VẬN DỤNG**

**Mục tiêu**

Vận dụng được các kiến thức , kĩ năng đã học trong cuộc sống tương tự tình huống/ vấn đề đã học

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Hoạt động của HS** | **Kết quả/ sản phẩm học tập** |
| GV yêu cầu HS về tìm đọc văn bản : “Bàn về đọc sách của Chu Quang Tiềm” để hiểu thêm tầm quan trọng của việc đọc sách | HS làm việc cá nhân tại nhà  Ghi ra những lý lẽ , dẫn chứng thấy rõ tầm quan trọng của việc đọc sách | HS trình bày |

**DẶN DÒ**

* HS hoàn thành bài tập
* Chuẩn bị bài Thực hành tiếng việt : Thuật ngữ

**TIẾT: 107**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**THUẬT NGỮ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu :**  - Tích cực hóa vốn từ của HS qua trò chơi khởi động.  - Tạo tâm thế tích cực, hứng khởi cho học sinh tiếp nhận bài mới. | | |
| **Tô chức hoạt động** | **Hoạt động của học sinh** | **Kết quả/ sản phẩm học tập** |
| - GV tổ chức trò chơi “Hiểu ý đồng đội”. HS thực hiện hoạt động dưới sự hướng dẫn của GV.  - Một bạn lên bảng, một bạn dưới lớp. Bạn trên bảng sẽ được GV đưa cho các từ khóa. Bạn trên bảng sẽ gợi ý để bạn kia đoán ra các từ khóa.  \* Lưu ý: không được gợi ý có bất kỳ từ nào có trong từ khóa.  (Từ khóa :So sánh, Nhân hóa ,Nước , Muối … | - HS tiếp nhận và tham gia trò chơi .  + 1 HS giải thích  +1 HS tìm được từ khóa đã cho | - Các từ khóa mà đôi bạn đã tìm được |

***- GV dẫn dắt:***

***Chúng ta vừa tham gia trò chơi “Hiểu ý đồng đội” để đồng đội của mình hiểu được nghĩa của các từ này bạn còn lại đã dùng cách giải thích theo nghĩa thông thường. Tuy nhiên chúng ta còn có thể giải thích các từ khóa này bằng cách khác dựa vào tri thức khoa học. Lúc này các từ khóa đó sẽ được gọi là Thuật ngữ. Vậy thế nào là Thuật ngữ và đặc điểm của Thuật ngữ là gì? Chúng ta tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 2: CỦNG CỐ KIẾN THỨC**  **Mục tiêu:**  - Nhận biết được khái niệm, đặc điểm và cách xác định Thuật ngữ.  - Những lưu ý khi tìm hiểu Thuật ngữ . | | |
| **Tô chức hoạt động** | **Hoạt động của học sinh** | **Kết quả/ sản phẩm học tập** |
| (1) GV tổ chức cho HS thảo luận ý kiến, hoàn thành phiếu bài tập 1  PHIẾU HỌC TẬP 1   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu văn | Chỉ ra thuật ngữ | Căn cứ xác định | | a. Sam, ông chợt nhớ lại câu chuyện ngụ ngôn này khi nghĩ tới những tấm bản đồ dẫn đường cho chúng ta.  b. Từ hôm đó, được thúc đẩy bởi một sứ mệnh có tính chất mặc khải, ông đi sâu nghiên cứu triết học và trở thành nhà tư tưởng hàng đầu của thời tru ng đại.  c. Con chữ trên trang sách hàm chứa văn hóa của một dân tộc, mang hồn thiêng của đất nước.  d. Thời nay, với sự xuất hiện của in-tơ-nét và sách điện tử, cách đọc cũng đa dạng: đọc không chỉ là nhìn vào trang giấy và chữ in mà còn nhìn vào màn hình chiếu sáng. |  | . |   Từ việc tìm hiểu các ví dụ trên em hiểu thuật ngữ là gì?  - GV chốt khái niệm.  - GV trao đổi thêm Thuật ngữ.  (2) GV cho hoạt động cá nhân - Yêu cầu HS làm BT 2 thông qua phiếu học tập   |  |  | | --- | --- | | **Thuật ngữ** | **Nghĩa của thuật ngữ** | | **Ngụ ngôn** |  | | **Triết học** |  | | **Văn hóa** |  | | **In-tơ-nét** |  |   - GV cho một số HS lên trình bầy phần giải nghĩa của mình .  - Gọi HS khác nhận xét đánh giá  - Giáo viên chốt đáp án .  **Từ đó nêu cách xác định thuật ngữ và nghĩa của thuật ngữ?**  GV có thể giới thiệu các cuốn từ điển chuyên nghành.    **( 3 )GV đưa ra ví dụ 1:**  a. **Muối** là hợp chất mà phân tử gồm có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc acid.  b. Canh còn hơi nhạt, con thêm tí **muối** nữa đi.  **? Theo em trong 2 ví dụ trên, từ “muối” nào được dùng với tư cách là thuật ngữ, từ nào được dùng với tư cách là từ ngữ thông thường?**  **GV đưa ra ví dụ 2:**  a. Liệu con vi-rút này có biến thể nào khác hay không vẫncòn là một **ẩn số**.  b. **Ẩn số** của phương trình này là một số thập phân.  **? Theo em trong 2 ví dụ trên, từ “ẩnsố” nào được dùng với tư cách là thuật ngữ, từ nào được dùng với tư cách là từ ngữ thông thường?**  **? Từ hai ví dụ trên em hãy cho biết khi tìm hiểu thuật ngữ ta phải lưu ý điều gì ?**  GV chốt phần lưu ý . | - Trao đổi ý kiến theo nhóm đôi.  - Đại diện một số nhóm trình bày.  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  làm bài tập 2 – Giải nghĩa các thuật ngữ vừa tìm được ở BT1.  - HS trình bầy phần tìm hiểu của mình  -Các bạn khác nhận xét đánh giá  - HS trình bày ý kiến  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. | **I. Thuật ngữ**  Các nhóm xác định được Thuật ngữ và căn cứ xác định .  a. *Ngụ ngôn* – thể loại văn học  *b. Triết học* – ngành khoa học  *c. Văn hóa* – giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra  d. *In-tơ-nét* – một lĩnh vực của công nghệ thông tin.    **= > các từ trên đều thuộc về một lĩnh vực, một ngành cụ thể**  - Rút ra được khái niệm Thuật ngữ  – Nhận biết được thuật ngữ  **\* Khái niệm:** Thuật ngữ là từ hoặc cụm từ cố định, được sử dụng theo quy ước của một lĩnh vực chuyên môn hoặc ngành khoa học nhất định  **- Ngụ ngôn** : -Thể loại văn học, dùng văn xuôi hoặc văn vần, thường mượn chuyện loài vật để nói về việc đời nhằm dẫn đến những kết luận về đạo lý, kinh nghiệm sống.  - **Triết học** :Khoa học nghiên cứu về những quy luật chung nhất của thế giới và sự nhận thức thế giới.  - **Văn hóa**:Tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra trong quá trình lịch sử.  **- In-tơ-net** :Hệ thống các mạng máy tính được nối với nhau trên phạm vi toàn thế giới, tạo điều kiện cho các dịch vụ truyền thông dữ liệu, như tìm đọc thông tin từ xa, truyền các tệp tin, thư tín điện tử và các nhóm thông tin.  **\*Cách xác định nghĩa của thuật ngữ:**  + Tìm trong Bảng tra cứu thuật ngữ. (cuối SGK Ngữ văn 7)  + Đọc các từ điển chuyên ngành.(Từ điển tiếng Việt - Hoàng Phê chủ biên)  **\* Lưu ý :**  + Có những từ ngữ khi thì được dùng với tư cách là một thuật ngữ, khi lại được dùng như một từ ngữ thông thường.  **+** Có những thuật ngữ đôi khi được dùng như từ ngữ thông thường. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **Mục tiêu:**  – Nhận biết được thuật ngữ và giải nghĩa được các thuật ngữ  – Phân biệt được các thuật ngữ và các thuật ngữ được dùng với nghĩa thông thường | | |
| **Tô chức hoạt động** | **Hoạt động củahọc sinh** | **Kết quả/ sản phẩm học tập** |
| - GV yêu cầu HS đọc bài tập 3 (SGK-64,65)  - GV chia lớp làm 3 nhóm thảo luận (5 phút)  + Nhóm 1: cặp câu thứ nhất  + Nhóm 2: cặp câu thứ hai  + Nhóm 3: cặp câu thứ ba  ? Trong các từ ngữ in đậm ở những cặp câu trường hợp nào là thuật ngữ, trường hợp nào là từ ngữ thông thường? Cho biết căn cứ để xác định? | - HS các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện theo yêu cầu.  - GV gọi các nhóm nhận xét, bổ sung. |  | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **Mục tiêu:**  - Vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu). | | |
| **Tô chức hoạt động** | **Hoạt động của học sinh** | **Kết quả/ sản phẩm học tập** |
| - GV tổ chức cho học sinh hoạt động cá nhân: Sử dụng kiến thức đã học về thuật ngữ để viết đoạn văn.  Viết đoạn văn (6-8 câu) chủ đề tự chọn.Trong đoạn văn có sử dụng thuật ngữ.  - GV gọi đọc đoạn văn và gọi HS nhận xét.  - GV nhận xét,đánh giá . | - HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết đoạn văn.  - HS đọc đoạn văn  - HS nhận xét, đánh giá đoạn văn của bạn | ***Đoạn văn mẫu : Nước*** *là hợp chất của các nguyên tố hiđrô và ôxi, có công thức là H2O.* ***Nước*** *rất quan trọng vớ i mọi sự sống trên trái đất. Khi cơ thể người với 70% là nước. Khi thiếu nước chỉ ba ngày là người đó có thể chết, trong khi đó, nếu thiếu thức ăn mà vẫn có nước ta có thể sống đến một tuần hoặc hai tuần. Quá trình hút chất dinh dưỡng của thực vật cũng là hút nước và muối khoáng. Nước có mặt trong toàn bộ các hoạt đông sống. Nhưng hiện nay, nguồn nước đang bị ô nhiễm nặng mà* ***tác nhân*** *chính đó chính là con người. Vậy nên mỗi người chúng ta hãy cố gắng giữ gìn môi trường sạch sẽ để bảo vệ chính chúng ta và tất cả sinh vật xung quanh.* |

**DẶN DÒ**

- HS hoàn thành bài tập

- HS chuẩn bị nội dung tiết văn bản : Nói với con

**BÀI 8. TRẢI NGHIỆM ĐỂ TRƯỞNG THÀNH**

**(13 tiết)**

**TIẾT: 108**

**VĂN BẢN 3 : NÓI VỚI CON**

***(Y Phương)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ 1: Khởi động**  **Mục tiêu**: Tạo hứng thú, thu hút hs sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập, định hướng nội dung bài học | | |
| **HĐ của GV** | **HĐ của HS** | **Kết quả/ sản phẩm học tập** |
| - GV tổ chức cho Hs nghe bài hát  - Em có suy nghĩ gì khi nghe xong lời bài hát?  - Hs trả lời. | - HS lắng nghe âm thanh, giai điệu lời bài hát để dự đoán câu trả lời.  - Hs báo cáo kết quả |  |

- Chốt đáp án và nhấn mạnh nội dung câu hỏi.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

GV nhận xét, dẫn vào bài: *Lòng thương yêu con cái, ước mong thế hệ sau tiếp nối xứng đáng, phát huy truyền thống của tổ tiên, của quê hương vốn là một tình cảm cao đẹp của con người Việt Nam từ xưa đến nay. Bài thơ “****Nói với con****” của nhà thơ Y Phương cũng nằm trong nguồn cảm hứng rộng lớn, phổ biến ấy nhưng tác giả lại có cách nói xúc động của riêng mình. Điều tạo nên cái riêng, động đáo ấy là gì? Chúng ta cùng tìm hiểu bài thơ.*

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. Đọc văn bản và Tìm hiểu chung** | | |
| **Mục tiêu**: biết cách đọc văn bản “ Nói với con” và nêu được những nét khái quát về tác giả và tác phẩm | | |
| **HĐ cảu thầy và trò** | | **Sản phẩm** |
| -GV hướng dẫn cách đọc  - GV tổ chức cho hs đọc diễn cảm bài thơ  -GV hướng dẫn hs theo dõi số tiếng trong mỗi dòng thơ, cách ngắt nhịp…  -GV đọc mẫu bài thơ  -GV yêu cầu hs đọc  Nhận xét cách đọc của hs…  **Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm cặp đôi (theo bàn).  - Yêu cầu HS mở phiếu học tập GV đã giao về nhà trên nhóm zalo và đổi phiếu cho bạn cùng nhóm để trao đổi, chia sẻ.   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | | | 1. Nêu những hiểu biết của em về tác giả Y Phương? | …………………………………………………  ………………………………………………… | | 2. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? | …………………………………………………  ………………………………………………… | | 3. Nêu phương thức biểu đạt chính của bài thơ? | …………………………………………………  ………………………………………………… | | 4. Văn bản này có thể chia làm mấy phần? Nêu nội dung chính từng phần? | ………………………………………………….  …………………………………………………  …………………………………………………. | | 5. Văn bản được viết theo đề tài nào? | ………………………………………………….  ………………………………………………… | | 6. Mạch cảm xúc của bài thơ | …………… |   - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sảnphẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo ( nếu thấy chính xác). Đổi phiếu hoạt động cặp đôi cho nhau để kiểm tra, nhận xét bổ sung kiến thức.  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau:  **. Tác phẩm**  **GV:** ?Tìm hiểu văn bản (xuất xứ, thể loại, PTBĐ, mạch cảm xúc, bố cục)?  HS - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  - Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | | **1.Đọc văn bản**  **2. Tác giả, tác phẩm**  **a. tác giả**  **C:\Users\Administrator\Desktop\1552535612026.jpg**  **\* Tác giả**: Y Phương ( 1948- 2022)) tên Hứa Vĩnh Sước- Quê Trùng Khánh – Cao Bằng- Là nhà thơ dân tộc Tày.  Thơ ông mộc mạc, chân thành, sâu lắng thiết tha.  **b. Tác phẩm**:  - Được in trong tập thơ Việt Nam (1945-1985).  - Thể thơ tự do.  - PTBĐ: Biểu cảm kết hợp với tự sự và miêu tả.  - Mạch cảm xúc: bài thơ đi từ tình cảm gia đình, mở rộng ra là tình cảm với quê hương từ những kỉ niệm thân thiết gần gũi mà nâng lên thành lẽ sống....  **+ Bố cục**: 3 phần  - P1: từ đầu -> “ trên đời”-> Lời tâm tình, căn dặn của người cha nói với con về cuội nguồn sinh dưỡng.  - P2: Tiếp-> “phong tục: vẻ đẹp của người đồng mình  -P3: Còn lại-> Lòng mong ước của người cha  => Đề tài: Bài thơ là lời tâm tình đầy trìu mến thương yêu của người cha với con về cuội nguồn sinh dưỡng, về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của quê hương. |
| **II. Khám phá văn bản**  *Mục tiêu:*  -Nhận diện những nét độc đáo; chi tiết đặc sắc , yếu tố tự sự , miêu tả ,biện pháp tu từ... của bài thơ  - Nắm được tình cảm của người cha đối với con cũng như mong ước của cha.  -Bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước, lòng biết ơn... | | |
| **HĐ của GV và HS** | **Sản phẩm** | |
| - Chia nhóm lớp.  - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2 bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4  - Thời gian: 10 phút   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2** | | | | 1.Đọc 4 câu thơ đầu em hình dung được cảnh gì? | …………………………………………………  ………………………………………………… | | 2. Để diễn tả sự lớn lên của con, tác giả đã sử dụng hình ảnh nào? | …………………………………………………  ………………………………………………… | | 3. Qua những lời tâm tình, căn dặn, người cha muốn nói với con về những điều gì? | …………………………………………………  ………………………………………………… | | 4. Tác dụng của các hình ảnh và cách diễn đạt đó? | …………………………………………………. |   \* GV gợi ý bằng cách chiếu lời của người cha lên màn hình máy chiếu.  - Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).  - Đọc bốn câu thơ đầu:  “*Chân phải... cha*  *Chân trái ... mẹ*  *Một bước chạm tiếng nói*  *Hai bước tới tiếng cười.*  **GV** hướng dẫn HS chú ý đoạn 1 ( khai thác kiến thức từ 4 câu thơ đầu)  **GV**:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.  - GV giảng:  +Thiên nhiên che chở, nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn, lối sống.  + Con đang dần lớn khôn, trưởng thành trong cuộc sống lao động giữa thiên nhiên thơ mộng và nghĩa tình sâu nặng của người đồng mình.  + Kỉ niệm ngày cưới, ngày đẹp nhất trên đời.  Và đây cũng là ngày đầu tiên bắt đầu xây nền móng cho gia đình hạnh phúc | **1. Cha nói với con về cuội nguồn sinh dưỡng:**  \* Tình cảm gia đình:  **-**Tình gia đình: *Chân phải bước tới cha …hai bước tới tiếng cười .*  -NT: thủ pháp liệt kê: + *tiếng nói, tiếng cười,* *tới cha, tới mẹ:*  -> Con lớn lên từng ngày trong tình yêu thg, sự nâng đỡ và mong chờ của cha mẹ.  -> gia đình hạnh phúc êm ấm  \* Tình cảm quê h­ương:  - Con được trưởng thành trong cuộc sống lao động, trong thiên nhiên thơ mộng và nghĩa tình của quê hương.  => Khơi gợi trong con tình cảm cội nguồn, yêu quí và tự hào về gia đình, quê hương. | |
| **2. *Người cha nói với con về truyền thống quê hương và niềm mong muốn của cha.*** | | |
| **HĐ của GV và HS** | **Sản phẩm** | |
| -GV yêu cầu hs đọc lại khổ thơ thứ 2  Hs nghiên cứu ngữ liệu, suy nghĩ và trả lời câu hỏi:  ?Chú ý đoạn thơ'' Người đồng mình...cực nhọc"em thấy người cha đã nói với con về những đức tính gì của người đồng mình?  ? Em có nhận xét gì về cách nói của người dân miền núi? Qua cách nói ấy ta thấy người cha nói cho con biết những đức tính của người đồng mình, người cha muốn nói với con điều gì?  ? Đoạn thơ tiếp tác giả tiếp tục nói tới vẻ đẹp nào của người đồng mình? Điều ấy thể hiện tập trung qua những câu thơ nào?  ? Từ đó người cha muốn gợi cho con tình cảm gì đối với quê hương?  ? Em có nhận xét gì về cách kết thúc của bài thơ?  - Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).  - Đọc khổ thơ cuối:  **GV** hướng dẫn HS chú ý đoạn 1 ( khai thác kiến thức từ khổ thơ cuối )  **GV**:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.  Tác giả đã nhập thân vào người cha để tâm sự với con của minh mà ta ngỡ như nhà thơ đang đối thoại với chính chúng ta vậy. Những lời vàng ngọc mà thấm thía như làm cho tâm hồn ta thêm trong sạch và phong phú hơn. Đó cũng chính là sức mạnh cảm hóa đặc biệt của văn chương trong đời sống tinh thần của con người. | **\* Vẻ đẹp của người đồng mình**  => Điệp ngữ “người đồng mình” được lặp lại 3 lần; lời thơ mộc mạc tha thiết được thể hiện qua các thán từ “thương lắm, yêu lắm”, “con ơi”; cách nói vừa cụ thể vữa giàu hình ảnh “Cao đo nỗi buồn, xa nôi chí lớn”, “đục đá kê cao quê hương”, “thô sơ da thịt”  + “Người đồng mình” giàu chí khí, niềm tin, không nhỏ bé về tâm hồn về ý chí và mong ước xây dựng quê hương.  + Chính họ đã làm nên quê hương với truyền thống, và những phong tục tập quán tốt đẹp.  + Giọng điệu tha thiết, trìu mến, hình ảnh thơ vừa cụ thể vừa khái quát, mộc mạc mà vẫn giàu chất thơ, nghệ thuật so sánh  => *Những đức tính cao đẹp mang tính truyền thống của “người đồng mình”với sức sống mạnh mẽ, bền bỉ và niềm mong ước con hãy kế tục xứng đáng truyền thống ấy của người cha, dặn dò con cần tự tin mà vững bước trên đường đời.*  **\* Mong ước của người cha:**  *- Sống trên đá không chê đá gập ghềnh*  *…………………………………..*  *Lên thác xuống nghềnh không lo cực nhọc*  *- Lên đường*  *Không bao giờ nhỏ bé được*  *Nghe con.*  => Điệp từ “sống”, “không chê”, phép so sánh, cách nói vừa cụ thể vừa mang ý nghĩa ẩn dụ, giọng thơ khẳng định tâm tình tha thiết  => Mong muốn – lời dặn dò ân cần của người cha: con phải sống thủy chung với quê hương, làng bản; chấp nhận và vượt qua những thử thách bằng niềm tin và sự nỗ lực của bản thân. Luôn tự hào về quê hương, tự tin vào chính mình để vững bước trên con đường đời. | |
| **III. TỔNG KẾT** | | |
| **Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản. | | |
| **HĐ của GV và HS** | **Sản phẩm** | |
| - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS hoạt động cá nhân, tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa của văn bản.   * HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. * GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   - HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.  GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học. | **1. Nghệ thuật**  - Hình ảnh thơ vừa cụ thể vừa có sức gợi cảm khái quát, cách nói mộc mạc, so sánh cụ thể thể hiện các nói đặc trưng của đồng bào miền núi.  - Lời thơ trìu mến tha thiết, điệp từ như điểm - nhấn lời dặn dò ân cần, tha thiết của người cha.  **2. Nội dung**  - Người cha nói với con người đồng mình sống vất vả, nghèo đói, cực nhọc lam lũ nhưng mạnh mẽ, giàu chí lớn, luôn yêu quý tự hào và gắn bó với quê hương. | |

|  |
| --- |
| **HĐ 3: VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC**  **Mục tiêu**:  - HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối chi tiết trong VB với cảm xúc, tưởng tượng của bản thân.  - Củng cố kiến thức trong bài học, kiến thức về thuật ngữ để thực hiện bài tập. |

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV và HS | SẢN PHẨM |
| ? Qua bài thơ, em thấy tình cảm của người cha đối với con như thế nào? Điều lớn nhất người cha muốn truyền cho con và giáo dục con là gì?  ? Phát biểu suy nghĩ của em sau khi học xong bài thơ?   * HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời. * GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   - HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.  GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học | HS chia sẻ cảm nhận của bản thân |

|  |
| --- |
| **HĐ 4: VẬN DỤNG**  **Mục tiêu** HS biết vận dụng kiến thức đã học để áp dụng vào cuộc sống thực tiễn |

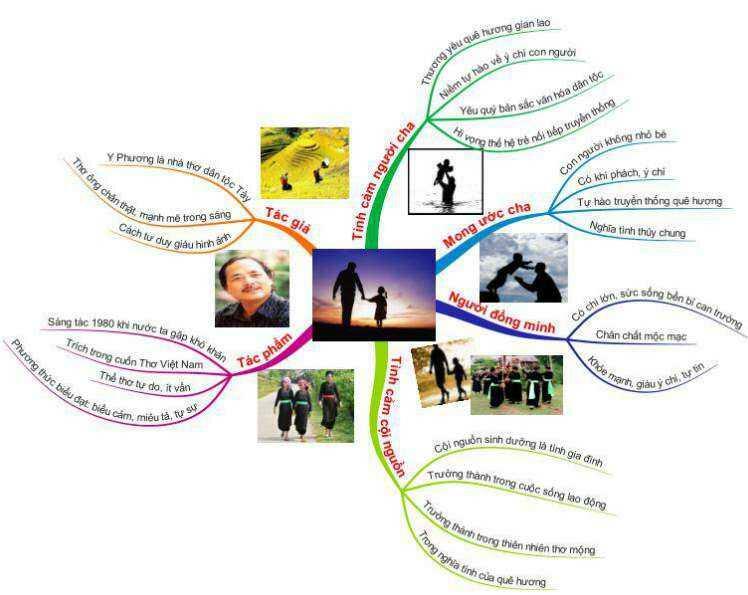
? Nói với con, người cha đã bộc lộ chính mình. Em thấy người cha trong bài thơ là người như thế nào?

? Nếu là người con, em có suy nghĩ gì trước những lời nhắn nhủ của người cha?

? Vẽ sơ đồ tư duy bài thơ “ Nói với con” của tác giả Y Phương

- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu. ( ở nhà)

- Gửi kết quả vào nhóm lớp , gv chấm chữa



DẶN DÒ

* HS hoàn thiện bài học
* HS chuẩn bị nội dung tiết sau: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống

**Tiết 109+110+111+112:**

**VIẾT BÀI VĂN**

**NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | | **Hoạt động của HS** | **Sản phẩm mong đợi(Dự kiến)** |
| **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:5’**  **1. Mục tiêu:** HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.  - Phương pháp tích cực: Nêu vấn đề  - Kĩ thuật: Động não, tia chớp...  **2. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **3. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **4. Tổ chức thực hiện:** | | | |
| *GV nêu vấn đề:* HS quan sát video trên máy chiếu về hiện tượng ô nhiễm môi trường  Đường link: https://www.youtube.com/watch?v=fpaQ8LYHoMI  ? Em có đồng ý với việc làm xả rác bừa bãi của một số người không? Vì sao? | | | |
| ***a. Giao nhiệm vụ****:* Suy nghĩ trả lời  ***c. Yêu cầu HS báo cáo kết quả.*** | | ***b.Thực hiện nhiệm vụ.***Làm việc nhóm  - Trình bày | - HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.  - Học sinh có hứng thú tiếp thu bài mới. |
| ***d. GV nhận xét, dẫn dắt, giới thiệu bài mới:*** Trong đời sống, trước một vấn đề, thường có những ý kiến khác nhau, trong đó có thể có ý kiến khiến ta không thể đồng tình. Biết tán thành với ý kiến đúng thì cũng cần biết phản đối ý kiến sai. Nhiều trường hợp, sự phản đối được thể hiện bằng bài văn nghị luận. Vậy để trình bày một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối), chúng ta sẽ làm theo trình tự như thế nào, tiết học ngày hôm nay, cô cùng các em sẽ cùng tìm hiểu. | | | |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC: 60’**  ***1.Mục tiêu:*** HS biết vận dụng kiến thức đã học để nêu được vấn đề bàn luận, làm rõ bản chất của vấn đề. Vấn đề được bàn luận cần thiết yếu đối với mọi người, thu hút được sự quan tâm, hứng thú của cộng đồng. Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc rằng sự phản đối hoặc cách hiểu của người viết là có cơ sở.  ***- Phương pháp***: Hợp tác; Nhóm, …  ***- Kĩ thuật***: Động não, tia chớp, bức tường, khăn trải bàn…  ***2. Nội dung***: Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.  ***3. Sản phẩm của HS:*** Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm. Phần chốt của GV  ***4. Tổ chức thực hiện:*** | | | |
| ***a. Giao nhiệm vụ:*** Trao đổi cặp đôi, trả lời các câu hỏi :  + Vấn đề nào trong đời sống được nêu để bàn luận?  + Quan niệm nào của người khác về vấn đề đời sống rất đáng được bàn luận?  + Ý kiến riêng của người viết về quan niệm nêu trên là gì?  + Những lí lẽ và bằng chứng nào được đưa ra để chứng tỏ sự tán thành là có cơ sở?  - Phát PHT số 1  - Chia 6 nhóm-> thảo luận  - KT: Khăn trải bàn  ***c. Yêu cầu HS báo cáo kết quả***  ***d. GV nhận xét, chốt kiến thức*** | | ***b.Thực hiện nhiệm vụ:***  - Học sinh thảo luận cặp đôi  (Dự kiến H gặp khó khăn: Chưa phân biệt được TT/CT, chưa biết cách nêu ý nghĩa...G gợi ý...)  - HS trả lời  - H thảo luận nhóm  - Đại diện trình bày  -Nghe, lưu sản phẩm. | **I. ĐỊNH HƯỚNG**  **1**. Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)  - Vấn đề đời sống được nêu ra bàn luận phải rõ ràng, xác đáng  - Nêu được một quan niệm về vấn đề bàn luận  - Bài viết phải thể hiện sự tán thành của người viết về quan niệm đã nêu.  - Sự tán thành phải được thể hiện bằng những lí lẽ và bằng chứng cụ thể, có sức thuyết phục.  **2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo** |
| **Sản phẩm mong đợi(Dự kiến): PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**     |  |  | | --- | --- | | **VB: VIỆC LỚN, VIỆC NHỎ** | | | **Vấn đề** | Vai trò của gia đình đối với sự trưởng thành của mỗi con người. | | **Ý kiến** | Gia đình là trường học đầu tiên của mỗi người | | **Thái độ** | Người viết tán thành với ý kiến đó. ( Riêng tôi sau khi suy nghĩ kỹ, tôi thấy Hồng Minh hoàn toàn có lí). | | **Lí lẽ** | Ông bà, cha mẹ không chỉ nuôi dưỡng, mà còn dạy bảo những điều hay lẽ phải cho ta từ thưở ấu thơ; tình cảm thiêng liêng cao đẹp, sự đối xử của các thành viên trong gia đình với nhau là những bài học thấm vào ta một cách tự nhiên. | | **Bằng chứng** | Người viết nhớ lại một kỉ niệm: Giơ bốn ngón tay lên để trả lời cho câu hỏi của người lớn, khiến mẹ phải nhắc nhở. Điều này thành bài học đáng nhớ về thái độ trong giao tiếp. | | | | |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: 90’**  ***1.Mục tiêu:*** HS biết viết đoạn văn đúng quy trình các bước và đảm bảo các yêu cầu về hình thức, nội dung.  ***- Phương pháp***: Hợp tác; Nhóm, …  ***- Kĩ thuật***: Động não, tia chớp, bức tường, khăn trải bàn…  ***2. Nội dung***: Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập, hoàn thiện bài tập: viết lại một truyện truyền thuyết hoặc truyện cổ tích.  ***3. Sản phẩm của HS:*** Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm. Phần chốt của GV  ***4. Tổ chức thực hiện:*** | | | |
| G đưa ra nhiệm vụ: H đọc phần TRƯỚC KHI VIẾT- SGK | | | |
| ***a. Giao nhiệm vụ: Làm việc cá nhân***  - Gv hướng dẫn Hs lựa chọn đề tài phù hợp  - Hs tham khảo các ý trong SGK để trả lời.  - HS lựa chọn các ý trong bài viết  - GV hướng dẫn HS lập dàn ý  ***c. Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  - GV gọi một vài HS trình bày sản phẩm trước lớp.  - Nhận xét sản phẩm của bạn và góp ý cho bạn.  ***d. GV nhận xét, chốt kiến thức*** | | ***b. Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV.  - Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp; nhận xét, phản biện.  -Nghe, lưu sản phẩm. | **II. THỰC HÀNH VIẾT: CÁC BƯỚC**  Bước 1: Trước khi viết  Bước 2: Viết bài  Bước 3: Kiểm tra và chỉnh sửa |
| **II. THỰC HÀNH VIẾT: CÁC BƯỚC**  **Bước 1: Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đề tài**  - Phải là vấn đề mình thực sự quan tâm và hiểu biết  - Có những ý kiến khác nhau khi nhìn nhận, đánh giá.  - Có thể xác định thái độ dứt khoát với vấn đề đó.  **b. Tìm ý**  - HS bộc quan điểm cá nhân trong việc tìm ý.  - Hs ghi các ý tìm được ra vở ghi  **c. Lập dàn ý**  **Mở bài:** Nêu được vấn đề nghị luận và bày tỏ ý kiến phản đối cách nhìn nhận vấn đề.  **Thân bài:**  + Ý 1. Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận  + Ý 2. Phản đối các khía cạnh của ý kiến, quan niệm (lí lẽ, bằng chứng)  + Ý 3. Nhận xét những tác động tiêu cực của ý kiến, quan niệm đối với đời sống (lí lẽ, bằng chứng)  **Kết bài:** Nêu ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối.  **Bước 2: Viết**  **Bước 3: Kiểm tra và chỉnh sửa:**   + **Kiểm tra dàn ý** đã xây dựng và xác định các lỗi về nội dung cần chỉnh sửa.  + **Kiểm tra đoạn văn** đã viết, phát hiện và tìm cách sửa các lỗi về viết: dùng từ, chính tả, ngữ pháp, trình bày,...   * **Công cụ đánh giá:** Phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubrics)  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Mức độ** | | | | | **Mức 4** | **Mức 3** | **Mức 2** | **Mức 1** | | 1. Cấu trúc bài văn  (1,0 điểm) | Bài viết đầy đủ 3 phần chặt chẽ, logic. Thân bài tổ chức thành nhiều đoạn văn. (1,0 điểm) | Bài viết đầy đủ 3 phần. Thân bài tổ chức thành nhiều đoạn văn. (0,5 điểm) | Bài viết đầy đủ 3 phần nhưng thân bài chỉ có 1 đoạn văn. (0,25 điểm) | Bài viết chưa có bố cục 3 phần  (0,0 điểm) | | 2. Lập luận  (4,0 điểm) | Hệ thống luận điểm rõ ràng, toàn diện, sâu sắc và được làm sáng tỏ bằng lí lẽ và dẫn chứng | Hệ thống luận điểm tương đối, rõ ràng, phù hợp và hầu hết được làm sáng tỏ bằng lí lẽ và dẫn chứng | Luận điểm chưa rõ ràng, phù hợp, không được làm sáng tỏ bằng lí lẽ và dẫn chứng | Không nêu được luận điểm về vấn đề nghị luận. | | Hệ thống luận điểm được trình bày theo trình tự hợp lí, logic, chặt chẽ, thuyết phục. | Hệ thống luận điểm được trình bày theo trình tự tương đối hợp lí. | Các luận điểm Chưa rõ các  trình bày chưa  theo trình tự hợp lí. | . - Chưa rõ các luận điểm và trình tự của luận điểm. | | - Lí lẽ thuyết phục, sâu sắc. | Lý lẽ hợp lý, được trình bày sáng rõ. | - Lí lẽ chưa rõ ràng. | - Lí lẽ chưa phù hợp hoặc chưa đưa ra được lí lẽ | | - Dẫn chứng xác thực, tiêu biểu, phong phú thể  hiện sự hiểu biết rộng rãi, sâu sắc. | - Dẫn chứng rõ ràng phù hợp với luận điểm nhưng chưa phong phú, tiêu biểu. | - Dẫn chứng không xác thực, nghèo nàn, chưa rõ ràng. | - Không đưa ra được dẫn chứng phù hợp với vấn  đề nghị luận | | 4,0 điểm | 2,5-3,5 điểm | 1,0 - 2,0 điểm | 1. điểm | | 3. Diễn đạt  (3,0 điểm) | Vốn từ ngữ phong phú, có từ hay, biểu cảm; kiểu câu đa dạng. | Vốn từ ngữ tương đối phong phú, có từ hay, biểu cảm; kiểu câu khá đa dạng. | Vốn từ cònnghèo  nàn, câu đơn điệu. | Vốn từ nghèo nàn, câu đơn điệu. | | Sử dụng phép liên kết đa dạng, linh hoạt để liên kết chặt chẽ các đoạn, các câu với nhau. | Sử dụng được phép liên kết đa dạng, linh hoạt để liên kết chặt chẽ các đoạn, các câu với nhau. | Sử dụng được phép liên kết liên kết chặt đoạn, các câu chẽ các đoạn, với nhau ở một số chỗ. | Chưa sử dụng được phép liên kết hoặc sử dụng chưa phù hợp để liên kết các đoạn, các câu với nhau. | | Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. | Không hoặc mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. | Mắc khá nhiều lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. | Mắc rất nhiều lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. | | 3,0 điểm | 1,5 – 2,5 điểm | 0,5 -1,0 điểm | 0 điểm | | 4. Trình bày  (1,0 điểm) | - Chữ viết cẩn thận rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ; chỉ gạch xóa rất ít. (1,0 điểm) | - Chữ viết rõ ràng, trình bày tương đối sạch sẽ, có một số chỗ gạch, xóa.  (0,5 điểm) | - Chữ viết tương đối rõ, có nhiều chỗ gạch xóa.  (0,25 điểm) | - Chữ viết không rõ ràng, khó đọc; bài văn trình bày chưa sạch sẽ.  (0,0 điểm) | | 5. Sáng tạo  (1,0 điểm) | - Có một số chỗ thể hiện quan điểm/cách nhìn mới và diễn đạt độc đáo mới mẻ.  (1,0 điểm) | - Có một quam điểm/ cách nhìn mới và có một chỗ diến đạt độc đáo mới mẻ.  (0,5 điểm) | - Có quan điểm/ cách nhìn mới hay có một chỗ diễn đạt độc đáo, mới mẻ.  (0,25 điểm) | - Không có cái nhìn mới và không có chỗ diễn đạt sáng tạo.  (0,0 điểm) | | | | |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: 15’**  ***1. Mục tiêu:*** HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.  **- Phương pháp:** Hợp tác, nhóm, Giải quyết vấn đề...  **- Kĩ thuật:** Khăn trải bàn.  ***2. Nội dung:*** HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.  ***3. Sản phẩm học tập:*** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).  ***4. Tổ chức thực hiện:*** | | | |
| GV đưa ra nhiệm vụ:  - Hãy viết một bài văn ngắn trình bày ý kiến của em về một vấn đề mà em quan tâm  - Nộp sản phẩm về qua nhóm messenger hoặc zalo của cô giáo. | | | |
| a. ***Giao nhiệm vụ:***  - Viết được bài văn ngắn…  - Dung lượng: 1/2 trang  ***c. Yêu cầu HS báo cáo kết quả.***  **GV**: Hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.  **HS**: Nộp sản phẩm cho GV qua zalo của cô giáo.  ***d. GV nhận xét, đánh giá.*** | ***b. Thực hiện nhiệm vụ.***  **GV**: Hướng dẫn HS xác nhiệm vụ.  **HS**:Đọc, xác định yêu cầu của bài tập.  **-** HS làm việc cá nhân và hoàn thiện nhiệm vụ.  Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: chia sẻ.  - Lưu sản phẩm. | | ***Sản phẩm mong đợi (Dự kiến):***  Phần bài tập đã hoàn thiện của HS |
| Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà: 5’.  1. Đọc kĩ phần câu hỏi để nắm được các đơn vị kiến thức sẽ được học.  2. Đọc kĩ VB và trả lời các câu hỏi ở phần sau.  3. Chuẩn bị: NÓI&NGHE - Trình bày ý kiến về một vấn đề | | | |
| **PHỤ LỤC 1**   |  |  | | --- | --- | | **VB: VIỆC LỚN , VIỆC NHỎ** | | | + Vấn đề nào của đời sống được bàn trong bài văn nghị luận? |  | | + Ý kiến nào của người khác thu hút sự chú ý? |  | | + Người viết thể hiện thái độ tán thành hay phản đối ý kiến? |  | | + Lí lẽ nào được người viết sử dụng để khẳng định sự đúng đắn của ý kiến? |  | | + Bằng chứng nào nêu lên để củng cố cho lí lẽ? |  |   **PHỤ LỤC 2**     |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU TÌM Ý**  **Họ và tên:**……………………………….**Lớp**…  **Gợi ý:** Đọc kỹ đề tài, ghi lại những ý nảy sinh trong quá trình suy nghĩ ghi vào cột bên phải | | | Vấn đề đời sống bàn luận |  | | Ý kiến của người khác cần thể hiện sự tán thành (Ý kiến nào được người khác nêu ra? Ý kiến đó có lí ở chỗ nào? Vì sao cần tán thành ý kiến đó? |  | | Những lí lẽ và bằng chứng cho thấy tán thành ý kiến là có cơ sở (Cần diễn giải điều gì để làm rõ ý kiến của mình? Với từng ý đã diễn giải, cần những bằng chứng nào để củng cố?) |  | | | | |